

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**PHẠM ĐÀI TRANG**

**CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐỐI VỚI TAI NẠN LAO  
ĐỘNG THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 60.38.01.07**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN: PGS.TS. NGUYỄN HỮU CHÍ**

**HÀ NỘI, 2017**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của bản thân tôi. Số liệu được thu thập trong quá trình khảo sát thực tế tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Học viện về tính trung thực của đề tài nghiên cứu.

*TP. Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017*

**Phạm Đài Trang**

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ CHẾ ĐỘ TAI NẠN LAO ĐỘNG .....</b>	<b>5</b>
1.1. Khái quát chung về bảo hiểm xã hội .....	5
1.2. Khái quát chung về chế độ tai nạn lao động.....	8
1.3. Thực trạng tình hình TNLĐ hiện nay.....	11
1.4. Đặc trưng pháp lý bảo hiểm xã hội tai nạn lao động.....	12
1.5. Chế độ tai nạn lao động ở các nước ASEAN .....	12
1.6. Nhận xét và kinh nghiệm có thể áp dụng tại Việt Nam .....	15
<b>CHƯƠNG 2 NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI TAI NẠN LAO ĐỘNG .....</b>	<b>18</b>
2.1. Thực trạng quy định pháp luật Việt Nam về chế độ bảo hiểm xã hội đối với tai nạn lao động .....	18
2.2. Thực trạng về thực hiện quy định chế độ bảo hiểm xã hội đối với tai nạn lao động.....	48
2.3. Đánh giá thực trạng về pháp luật và thực hiện pháp luật đối với chế độ tai nạn lao động .....	58
<b>CHƯƠNG 3 KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI TAI NẠN LAO ĐỘNG .....</b>	<b>68</b>
3.1. Kiến nghị những nội dung cần bổ sung, sửa đổi ngay cho phù hợp với thực tế hiện nay của Việt Nam .....	68
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>75</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>76</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>77</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Chế độ tai nạn lao động (TNLD) là một trong 05 chế độ BHXH bắt buộc được quy định trong Luật Bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, ngày 25/6/2015 tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa 13 đã thông qua và thống nhất chế độ bảo hiểm TNLD được thiết kế quy định tại Luật An toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) số 84/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ 01/7/2016, theo đó các quy định về chế độ TNLD trong Luật BHXH sẽ hết hiệu lực kể từ khi Luật ATVSLĐ có hiệu lực thi hành. Một số nội dung về chế độ TNLD được sửa đổi, bổ sung, đây là cơ sở pháp lý quan trọng nhất để tất cả các bên tham gia bảo hiểm xã hội cũng như các cá nhân, tổ chức liên quan thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Tuy nhiên, chính sách bảo hiểm xã hội nói chung, chế độ tai nạn lao động nói riêng, trong quá thực hiện còn bộc lộ những hạn chế, bất cập, có nội dung quy định chưa đầy đủ hoặc không còn phù hợp với thực tế...

Để khắc phục những hạn chế, tồn tại, thể chế hóa được các quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách bảo hiểm xã hội, phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới, đáp ứng được nguyện vọng của người lao động, đảm bảo an sinh xã hội và hội nhập quốc tế trong thời gian tới và trong tương lai, cần nghiên cứu về chế độ tai nạn lao động để từng bước hoàn thiện về chính sách cũng như tổ chức thực hiện.

Vì vậy, đề tài nghiên cứu về ***“Chế độ bảo hiểm xã hội đối với tai nạn lao động theo pháp luật Việt Nam”*** là hết sức cần thiết; là cơ sở đảm bảo cho việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung những nội dung hiện còn tồn tại, bất cập so với thực tế và là tiền đề định hướng việc hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội, tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội trong tương lai của nước ta.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Những năm qua, nhiều đề tài khoa học đã tập trung nghiên cứu các chế độ tai nạn lao động nhưng hiện nay trên thực tế, công trình khoa học nào nghiên

cứu một cách toàn diện về chế độ bảo hiểm xã hội tai nạn lao động vẫn chưa nhiều. Chế độ này mới chỉ được nghiên cứu như là một thành tố nằm trong hệ thống các chế độ bảo hiểm xã hội như: luận văn thạc sĩ “*Chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong luật bảo hiểm xã hội Việt Nam*” của Lê Thị Nhân; đề tài nghiên cứu khoa học “*Thực trạng và giải pháp về chế độ chính sách bảo hiểm xã hội tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp đối với người tham gia bảo hiểm xã hội*” chủ nhiệm Hà Văn Chi; Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thị Lan Hương “*Pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với lao động nữ ở Việt Nam hiện nay*”; Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thị Hà “*Pháp luật về Bảo hiểm xã hội ở Việt Nam hiện nay*”; hoặc đề tài này mới chỉ được đề cập đến một số bài viết, chuyên đề của các nhà khoa học trên các tạp chí khoa học pháp lý chuyên ngành như Tạp chí Bảo hiểm xã hội, Tạp chí Luật học, Tạp chí Lao động – Xã hội, một số các báo cáo, chuyên đề tại các hội thảo chuyên ngành Lao động – Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội...

Các bài báo, tạp chí, công trình nói trên mặc dù đã đề cập đến một số nội dung liên quan đến chế độ tai nạn lao động, nhưng nghiên cứu trên chỉ dừng lại ở những mức độ cơ bản, chưa toàn diện và thống nhất; chưa đưa ra được cách khái quát chung nhất về thực trạng của chế độ tai nạn lao động, chưa có những phương hướng giải pháp mang tính thực tiễn cao để điều chỉnh vấn đề tai nạn lao động. Do vậy, việc lựa chọn đề tài “*Chế độ bảo hiểm xã hội đối với tai nạn lao động theo pháp luật Việt Nam*” là một lựa chọn đúng đắn, phù hợp với lý luận và thực tiễn.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Hệ thống hóa các vấn đề mang tính lý luận về chế độ bảo hiểm xã hội đối với tai nạn lao động trong hệ thống quy định pháp luật; sự điều chỉnh của pháp luật về chế độ tai nạn lao động ở pháp luật quốc tế và bài học nhìn về thực tiễn nước ta.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về chế độ tai nạn lao động, thực trạng thực hiện các quy định này trong thực tiễn, đưa ra một số nhận xét về chế độ tai nạn lao động. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về chế độ tai nạn lao động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện trong thực tiễn chế độ tai nạn lao động.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu quy định pháp luật về chế độ tai nạn lao động, tình hình thực hiện chế độ tai nạn lao động trong thực tiễn ở Việt Nam.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn tập trung vào các vấn đề lý luận của pháp luật về chế độ bảo hiểm xã hội đối với tai nạn lao động được quy định trong Luật An toàn vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin.

- Các phương pháp khác: trên cơ sở phương pháp luận, luận văn sử dụng các phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê và một số phương pháp khác để tiếp cận, nghiên cứu những vấn đề thuộc nội dung của đề tài.

- Luận văn cũng kế thừa, tham khảo một số tài liệu, một số cuộc khảo sát, các báo cáo liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài từ năm 2010 đến năm 2014.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

### **6.1. Ý nghĩa luận văn**

Luận văn đã nghiên cứu một cách đầy đủ các vấn đề lý luận về chế độ tai nạn lao động như khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc điều chỉnh của pháp luật đối

với chế độ tai nạn lao động; nghiên cứu chế độ tai nạn lao động qua các thời kỳ và thực tiễn thực hiện bảo hiểm tai nạn lao động ở Việt Nam. Luận văn cũng đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật về chế độ tai nạn lao động hiện nay, thực tiễn thực thi các quy định đó và từ đó đưa ra các đề xuất mới mang tính xây dựng, góp phần hoàn thiện, tăng cường đưa pháp luật về chế độ tai nạn lao động được thực thi tối đa trong thực tiễn, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đảm bảo an ninh xã hội trong thời gian tới.

## **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho tất cả cán bộ, công chức làm việc trong hệ thống cơ quan Bảo hiểm xã hội, ngành Lao động – Thương binh và Xã hội trên phạm vi toàn quốc. Luận văn cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu hoặc bất kỳ ai quan tâm đến lĩnh vực này.

## **7. Cơ cấu của đề tài, gồm 3 chương**

**Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BHXH ĐỐI VÀ CHẾ ĐỘ TAI NẠN LAO ĐỘNG**

**Chương 2: THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH VIỆT NAM VỀ CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐỐI VỚI TAI NẠN LAO ĐỘNG**

**Chương 3: KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI TAI NẠN LAO ĐỘNG**

## **CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ CHẾ ĐỘ TAI NẠN LAO ĐỘNG**

### **1.1. Khái quát chung về bảo hiểm xã hội**

#### ***1.1.1. Sự tất yếu hình thành bảo hiểm xã hội***

Khi nền kinh tế ngày càng phát triển, năng suất lao động đòi hỏi cần được tăng lên, dẫn đến "rủi ro" lao động càng lớn. Lúc này giới thợ luôn mong muốn được bảo đảm nhiều hơn, còn ngược lại giới chủ lại mong muốn phải chi ít hơn, tức là phải đảm bảo cho giới thợ ít hơn, do đó việc tranh chấp về lợi ích lại xảy ra. Trước tình hình đó Nhà nước đã phải can thiệp và điều chỉnh, sự can thiệp đảm bảo bằng vai trò của Nhà nước trong việc phân định về trách nhiệm tham gia của các bên cho phù hợp, nếu cần có cả hỗ trợ của nhà nước nhằm thực hiện an sinh xã hội, ổn định xã hội để phát triển. Các nguồn đóng góp của giới chủ, thợ và sự hỗ trợ của Nhà nước đã hình thành nên Quỹ bảo hiểm xã hội tập trung có khả năng giải quyết các phát sinh của rủi ro cho tập hợp người lao động trong toàn xã hội.

Để quản lý quỹ bảo hiểm xã hội, một tổ chức được hình thành để thực hiện việc thu - chi theo quy định. Quỹ bảo hiểm xã hội được hình thành chủ yếu từ sự đóng góp của các bên tham gia bảo hiểm xã hội gồm người chủ sử dụng lao động và người lao động, ngoài ra có sự hỗ trợ và được Nhà nước bảo trợ.

#### ***1.1.2. Khái niệm bảo hiểm xã hội***

*Theo Luật Bảo hiểm xã hội Việt Nam 2014: “Bảo hiểm xã hội là sự đảm bảo thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội”.*

#### ***1.1.3. Cơ sở hình thành và vai trò của hệ thống các chế độ bảo hiểm xã hội***

Hệ thống bảo hiểm xã hội thường bao gồm nhiều chế độ khác nhau, số lượng các chế độ bảo hiểm xã hội được xây dựng và thực hiện phụ thuộc vào trình độ



phát triển và mục tiêu cụ thể của hệ thống bảo hiểm xã hội trong từng thời kỳ của mỗi nước.

Theo ILO, thì hiện nay các chế độ bảo hiểm xã hội cơ bản gồm:

- *Chăm sóc y tế*: Mục đích của chăm sóc y tế là duy trì, phục hồi hay cải thiện sức khỏe và khả năng lao động của người được bảo hiểm.

*Chế độ ốm đau*: Chế độ ốm đau được trả khi người lao động bị ngừng thu nhập do ốm đau hay tai nạn không liên quan đến nghề nghiệp đã được giám định.

*Chế độ thai sản*: Chế độ thai sản là sự bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh bằng cách cung cấp chăm sóc y tế trước, trong và sau khi sinh con; nghỉ việc được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trả thay lương trong thời gian tối thiểu là 12 tuần, trong đó ít nhất 6 tuần là thời gian nghỉ trước khi sinh.

*Chế độ tai nạn lao động*: Đây là một trong các chế độ phổ biến nhất của bảo hiểm xã hội, ở một vài nước người ta gọi là chế độ đền bù cho người lao động. Những quy định luật pháp ban đầu về trách nhiệm của người sử dụng lao động được đưa ra nhằm bảo vệ người lao động chân tay dựa trên một hệ thống không quy kết lỗi.

Tai nạn lao động gồm những tai nạn và bệnh nghề nghiệp, làm mất khả năng lao động trong thời gian ngắn, tàn tật và các chế độ tử tuất.

Việc xác định tai nạn lao động rất quan trọng vì sẽ được hưởng bằng chăm sóc y tế và bằng tiền.

Chế độ chăm sóc y tế đối với tai nạn lao động thường được thả nổi tự do hơn mà không có sự chia sẻ chi phí và giới hạn về thời gian được chăm sóc y tế.

Chế độ bảo hiểm xã hội cho tai nạn lao động thường được chi trả định kỳ theo mức độ tai nạn của người lao động, gồm: Mất sức lao động tạm thời; mất sức lao động vĩnh viễn; chết.

Chế độ mất sức lao động tạm thời có thể cao hơn chế độ ốm đau và được chi trả bằng thời gian người lao động bị mất sức lao động tạm thời hoặc trả trong

một năm, tùy theo cái gì đến trước.

Mất sức lao động vĩnh viễn: mức độ mất sức được Hội đồng giám định y khoa xác định. Tỷ lệ chi trả chế độ theo danh mục bệnh và nghề. Có thể chi trả cho những người này chế độ dài hạn trừ phi họ bị mất sức lao động ở mức độ thấp (20-30%).

Đối với những người chết do tai nạn lao động, thân nhân của họ có quyền được hưởng chế độ định kỳ bằng một phần trong thu nhập gần nhất của người chết.

Chế độ bảo hiểm xã hội đối với tai nạn lao động có thể có liên quan chặt chẽ đến phòng chống tai nạn và phục hồi sức khỏe.

Nhìn chung số lượng các chế độ bảo hiểm xã hội có mối quan hệ mật thiết với nền kinh tế. Những nước kinh tế mạnh thường có nhiều chế độ bảo hiểm xã hội hơn các nước nghèo.

#### ***1.1.4. Nguyên tắc Bảo hiểm xã hội***

Đảm bảo mọi thành viên trong xã hội có quyền tham gia và hưởng quyền lợi về bảo hiểm xã hội.

Đảm bảo thực sự cho người lao động về mức thu nhập để có thể duy trì được cuộc sống khi bị mất sức lao động tạm thời cũng như khi tuổi già hết khả năng lao động.

Vừa mang tính bắt buộc vừa mang tính tự nguyện, trong đó bảo hiểm xã hội bắt buộc là chủ yếu (*vì mọi người tất yếu đến tuổi già*).

Bảo đảm sự thống nhất và liên tục của bảo hiểm xã hội.

Đảm bảo công bằng trong bảo hiểm xã hội. Đây là nguyên tắc rất quan trọng nhưng cũng rất phức tạp trong xây dựng và thực hiện chính sách về bảo hiểm xã hội, nhất là khi cải cách về chính sách bảo hiểm xã hội và các nội dung có liên quan trực tiếp

## **1.2. Khái quát chung về chế độ tai nạn lao động**

### ***1.2.1 Sự cần thiết phải thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội tai nạn lao động***

Trong các rủi ro bất thường, tai nạn lao động là loại rủi ro đặc trưng vì nó gây thiệt hại lớn về tài sản và sức khỏe, suy giảm khả năng lao động của một hoặc nhiều người; có nguyên nhân trực tiếp từ điều kiện lao động, môi trường làm việc và gắn liền với thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động. Đây là hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và dẫn đến việc thay đổi quan hệ pháp luật lao động, thậm chí chấm dứt quan hệ pháp luật lao động nếu người bị tai nạn lao động chết hoặc không thể phục hồi khả năng lao động đủ để bố trí sắp xếp lại công việc phù hợp. Vì vậy pháp luật của nhiều nước buộc người sử dụng lao động phải có trách nhiệm chủ yếu khi xảy ra tai nạn lao động dù người lao động có lỗi hay không. Nên chế độ tai nạn lao động có sự khác biệt so với chế độ bảo hiểm xã hội khác về điều kiện, mức hưởng và thời gian hưởng.

Khi tai nạn lao động xảy ra chưa có hệ thống bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động thực hiện trách nhiệm đền bù của mình dựa vào hình thức bảo hiểm thương mại hoặc tự chịu rủi ro nên có sự bất đồng giữa người sử dụng lao động và người lao động bởi:

*Thứ nhất* về xác định nguyên nhân tai nạn lao động: người lao động khó có thể xác minh được nguyên nhân rõ ràng theo ý chí của mình với người sử dụng lao động, khó có thể đền bù thỏa đáng nhất là phát sinh tranh chấp. Vấn đề trong nền kinh tế thị trường, ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ có điều kiện lao động thường không đảm bảo an toàn, thiếu ổn định trong sản xuất kinh doanh, khi xảy ra tai nạn lao động trường hợp mất khả năng lao động vĩnh viễn hoặc chết thì người bị tai nạn chỉ được trợ cấp một lần hoặc người sử dụng lao động chấm dứt hoạt động sẽ gây khó khăn tới cuộc sống của người lao động.

*Thứ hai* về chi phí đền bù tai nạn lao động đối với một doanh nghiệp là rất cao, nhất là tai nạn lao động xảy ra liên tiếp hoặc trên phạm vi rộng. Người sử dụng lao động muốn đảm bảo được trách nhiệm của mình mà không phải chịu rủi ro do phải trả những khoản tiền lớn mà không biết trước là bao nhiêu, người lao động thì muốn có một hệ thống công bằng đáng tin cậy. Để đảm bảo công bằng, ổn định và phát triển, nhà nước cần có một công cụ hữu hiệu đó là chế độ bảo hiểm xã hội về tai nạn lao động, đảm bảo phục hồi khả năng lao động của người lao động một cách an toàn diện lâu dài với mức chi phí vừa phải (thường không quá 1% quỹ lương) được hầu hết các nước áp dụng sớm và được sự ủng hộ của người lao động, người sử dụng lao động.

Chế độ tai nạn lao động ở nước ta đã được thực hiện ngay từ ngày đầu khi BHXH mới ra đời, sau hơn 30 năm đi vào hoạt động, hệ thống bảo hiểm xã hội đã được sửa đổi, thực hiện Nghị định số 12/CP về Điều lệ bảo hiểm xã hội đối với người lao động ngày 26/01/1995 và Luật an toàn vệ sinh lao động ngày 01/7/2016 vẫn được duy trì thực hiện và ngày càng được hoàn thiện. Điều này chứng tỏ sự quan trọng lớn của chế độ trong hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội của Nhà nước.

### ***1.2.2. Khái niệm tai nạn lao động***

Mặc dù đã có nhiều biện pháp được thực hiện nhằm giảm thiểu tai nạn lao động như sử dụng máy móc thay thế, trang thiết bị phương tiện bảo hộ lao động... nhưng tai nạn lao động vẫn có thể xảy ra ở mọi ngành, nghề, mọi quốc gia. ILO đã thông qua nhiều Công ước và Khuyến nghị quy định các tiêu chuẩn, các biện pháp nhằm ngăn ngừa và hạn chế tai nạn lao động cũng như trợ giúp cho người bị tai nạn lao động.

Có nhiều khái niệm về tai nạn lao động:

*Theo Tổ chức lao động quốc tế (ILO):* tai nạn lao động là tai nạn xảy ra gây tác hại đến cơ thể người lao động do tác động của yếu tố nguy hiểm và có hại trong sản xuất.

*Theo Điều 142 – Bộ Luật lao động sửa đổi, bổ sung 2012*: tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

*Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam 2000*: tai nạn lao động là tai nạn bất ngờ xảy ra do lao động hay trong quá trình lao động, có thể gây tử vong hoặc gây cho cơ thể một tổn thương hoặc một rối loạn chức năng vĩnh viễn hay tạm thời.

*Theo Luật an toàn vệ sinh lao động 2015*: tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

Các khái niệm đều có điểm chung, đó là tai nạn được xem là tai nạn lao động khi thỏa mãn cả ba điều kiện: Là tai nạn xảy ra bất ngờ; tai nạn xảy ra trong quá trình làm việc của người lao động, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ lao động; tai nạn gây ra hậu quả cho người lao động, có thể là tử vong hoặc làm tổn thương đến một bộ phận, chức năng nào đó của cơ thể.

Từ những phân tích trên, đề tài đưa ra khái niệm về tai nạn lao động như sau: *“Tai nạn lao động là tai nạn xảy ra khi người lao động đang thực hiện nhiệm vụ lao động, gây tổn thương đến cơ thể hoặc gây ra tử vong cho người lao động.”*

Ngoài trường hợp bị tai nạn trong khi làm việc, còn quy định một số trường hợp tai nạn không xảy ra trong lúc làm việc, nhưng liên quan đến việc thực hiện công việc, cũng được coi là tai nạn lao động, chẳng hạn người lao động bị tai nạn trên đường đi đến nơi làm việc hoặc đi từ nơi làm việc về nhà, tai nạn khi đang nghỉ giữa ca làm việc... đều được coi là phạm vi liên quan đến *“thực hiện nhiệm vụ lao động”* của người lao động.

Việc đưa ra một khái niệm thống nhất về tai nạn lao động và chỉ ra phạm

vi xác định tai nạn lao động là rất quan trọng trong việc xây dựng chính sách đối với người bị tai nạn lao động, đặc biệt là trong việc xác định trách nhiệm của bên liên quan.

### **1.3. Thực trạng tình hình TNLD hiện nay**

Theo số liệu thống kê, năm 2016 trên toàn quốc đã xảy ra 7.981 vụ TNLD làm 8.251 người bị nạn. Trong đó số vụ TNLD chết người là 799 vụ, số vụ TNLD có hai người bị nạn trở lên là 106 vụ, số người chết là 862 người, số người bị thương nặng là 1.952 người, nạn nhân là lao động nữ là 2.371 người.

Những địa phương có số người chết vì tai nạn lao động nhiều nhất trong năm 2016 bao gồm cả khu vực có quan hệ lao động và khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động là TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Thanh Hóa, Bình Dương, Quảng Ninh, Hải Dương, Đồng Nai, Quảng Nam, Thái Bình và Quảng Trị. Các địa phương trên có tổng số người chết vì tai nạn lao động là 504 người, chiếm 59,2% tổng số người chết vì TNLD trên toàn quốc.

Xét theo loại hình doanh nghiệp, công ty TNHH có tỷ lệ xảy ra tai nạn lao động cao nhất, chiếm 37,1% số vụ tai nạn chết người và 37% số người chết. Kế tiếp là loại hình công ty cổ phần, chiếm 34,2% số vụ tai nạn chết người và 34,3% số người chết. Doanh nghiệp nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp chiếm 20,8% số vụ tai nạn chết và doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể chiếm 3,5% số vụ tai nạn. Những lĩnh vực sản xuất kinh doanh xảy ra nhiều tai nạn lao động chết người là xây dựng, khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo, dịch vụ... Các yếu tố chấn thương chủ yếu làm chết người nhiều nhất là ngã từ trên cao, điện giật, vật rơi, đồ sập, máy thiết bị cán, kẹp...

Các nguyên nhân chủ yếu để xảy ra tai nạn lao động chết người gồm: người sử dụng lao động không xây dựng quy trình, biện pháp làm việc an toàn; thiết bị không đảm bảo an toàn lao động người sử dụng lao động không huấn luyện an toàn lao động hoặc huấn luyện an toàn lao động chưa đầy đủ cho người

lao động; người sử dụng lao động không trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

So với năm 2015, năm 2016 trong khu vực có quan hệ lao động số vụ TNLĐ giảm 0,42% nhưng tổng số nạn nhân tăng 0,27%, số người chết tăng 6,75%, số người bị thương nặng tăng 8,86%.

Tuy nhiên, số vụ TNLĐ nêu trên chưa thống kê được tuyệt đối so với thực tế bởi có nhiều trường hợp, người chủ sử dụng lao động thoả thuận bồi thường với phía gia đình người bị nạn để không khiếu kiện hoặc thông báo với cơ quan chức năng.

Trước thực trạng TNLĐ ngày càng gia tăng về số vụ tai nạn nghiêm trọng, vai trò pháp lý của BHXH TNLĐ ngày càng phải phát huy và không ngừng hoàn thiện cho phù hợp.

#### **1.4. Đặc trưng pháp lý bảo hiểm xã hội tai nạn lao động**

*Trách nhiệm pháp lý của người sử dụng lao động:* Cùng với sự tăng cường pháp lý của Nhà nước đối với bảo hiểm xã hội, các điều khoản về trách nhiệm pháp lý của chủ sử dụng lao động đối với người lao động được đưa vào các điều luật về bảo hiểm xã hội. Trách nhiệm pháp lý của chủ sử dụng lao động thể hiện ở chỗ phải trợ cấp, đền bù, điều trị, hoặc các chi phí khác liên quan đến hậu quả rủi ro đem lại. Điểm nổi bật ở đây là giữa pháp luật các nước đều có một điểm chung là khi tai nạn xảy ra, thì không xét đến nguyên nhân do đâu, chủ sử dụng đều phải chịu trách nhiệm xử lý và giải quyết.

#### **1.5. Chế độ tai nạn lao động ở các nước ASEAN**

##### **a) Hàn Quốc:**

Cơ sở pháp lý: Pháp luật bảo hiểm bồi thường tai nạn công nghiệp năm 1953 và sửa đổi mới nhất năm 2005;

Tổ chức thực hiện: Bộ Lao động thực hiện giám sát chung; Tổ chức dịch vụ bồi thường và phúc lợi Hàn Quốc thực hiện thu, chi trả trợ cấp, và quản lý chương trình thông qua các Viện chăm sóc y tế.

Đối tượng tham gia: người lao động làm việc trong các cơ sở kinh doanh có ít nhất 01 lao động, quy định tham gia tự nguyện cho người lao động trong nông nghiệp, lâm nghiệp, săn bắn và các doanh nghiệp thủy sản có ít hơn 05 lao động thợ điện, người lao động làm việc trong lĩnh vực viễn thông, lực lượng dịch vụ chữa cháy, người tự tạo việc làm, lao động giúp việc gia đình và có hệ thống đặc biệt cho công chức, lực lượng vũ trang, lao động làm việc trong trường tư thục và thủy thủ ;

Nguồn quỹ: Do người sử dụng lao động hoặc người tự tạo việc làm đóng bằng từ 0,7% đến 48,9% quỹ lương hàng năm.

Điều kiện hưởng: không quy định điều kiện về thời gian tối thiểu tham gia đóng;

Mức hưởng: Gồm trợ cấp thương tật tạm thời bằng 70% mức tiền lương bình quân ngày trong 3 tháng trước khi bị thương tật; trợ cấp thương tật vĩnh viễn tùy theo mức độ đánh giá thương tật, theo thứ tự giảm dần mức độ nghiêm trọng. Mức trợ cấp hàng năm bằng tiền lương bình quân ngày của người tham gia bảo hiểm trong 3 tháng trước khi bị thương tật nhân với từ 138 đến 329 tùy theo đánh giá mức độ thương tật.

Ngoài ra quy định trợ cấp điều dưỡng trả cho các dịch vụ điều dưỡng đối với người tham gia bảo hiểm bị thương tật mãn tính sau khi đã được điều trị y tế. Trường hợp nếu bị chết thì thân nhân được trợ cấp tiền tuất, mai táng. Mức trợ cấp tối thiểu và tối đa được điều chỉnh hàng năm theo những thay đổi về tiền lương.

#### ***b) Nhật Bản:***

Cơ sở pháp lý: Pháp luật bảo hiểm bồi thường tai nạn cho người lao động năm 1947 và sửa đổi mới nhất năm 2005;

Tổ chức thực hiện: Bộ Y tế, Lao động và Trợ cấp chịu trách nhiệm giám sát và quản lý chung; Vụ Bồi thường tai nạn lao động thuộc Bộ Y tế, Lao động và Trợ cấp, Cục Tiêu chuẩn Lao động quản lý chương trình thông qua các Sở



Lao động và Văn phòng Giám sát Tiêu chuẩn Lao động địa phương.

Đối tượng tham gia: Tất cả các lao động tại nơi làm việc không thuộc bảo hiểm tự nguyện hoặc các hệ thống đặc biệt.

Nguồn quỹ: Từ đóng góp của người sử dụng lao động bằng 0,45% đến 11,8% quỹ lương dựa theo tỉ lệ tai nạn trong 3 năm; Chính phủ cung cấp các khoản trợ cấp, quy định trong giới hạn của ngân sách nhà nước.

Điều kiện hưởng: Không quy định điều kiện thời gian tham gia tối thiểu;

Mức hưởng: gồm trợ cấp thương tật tạm thời bằng 60% lương trung bình ngày trong 3 tháng trước đó cộng với trợ cấp mất sức lao động tạm thời bằng 20% lương bình quân ngày. Trợ cấp được chi trả sau thời gian 3 ngày chờ đợi cho đến khi hồi phục (người sử dụng lao động trả 60% lương bình quân ngày cho 3 ngày đầu tiên); trợ cấp thương tật vĩnh viễn tùy theo mức độ đánh giá thương tật. Trợ cấp được chi trả hàng tháng và điều chỉnh tự động hàng năm dựa theo những thay đổi về tiền lương.

Ngoài ra quy định chăm sóc Y tế bao gồm khám chữa y tế, mổ, nội trú, điều dưỡng, chăm sóc nha khoa, thuốc, dụng cụ và vận chuyển. Trường hợp nếu bị chết thì thân nhân được trợ cấp tiền tuất, mai táng.

### **c) Thái Lan:**

Cơ sở pháp lý: Pháp luật về bồi thường cho người lao động năm 1994.

Tổ chức thực hiện: Bộ Lao động thực hiện quản lý nhà nước; Cơ quan An sinh xã hội quản lý chương trình thông qua văn phòng Quỹ bồi thường tai nạn lao động thu những khoản đóng và chi trả trợ cấp. Chăm sóc y tế được thanh toán bởi bệnh viện dưới hợp đồng với cơ quan An sinh xã hội và đáp ứng các yêu cầu của văn phòng Quỹ bồi thường tai nạn lao động.

Đối tượng tham gia: người lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp và thương mại.

Nguồn quỹ: Do người sử dụng lao động đóng từ 0,2% đến 1% tổng quỹ lương hàng năm tùy theo mức độ rủi ro. Không quy định mức lương tối thiểu

hàng tháng để tính đóng, quy định tối đa tính đóng là 240.000 baht.

Điều kiện hưởng: Không có điều kiện thời gian tối thiểu.

Mức hưởng: Gồm trợ cấp thương tật tạm thời bằng 60% mức lương hàng tháng từ sau 3 ngày và cho tối đa 1 năm; trợ cấp thương tật vĩnh viễn hàng tháng căn cứ mức suy giảm khả năng lao động để hưởng, đối với mất khả năng lao động hoàn toàn được trả bằng 60% tiền lương hàng tháng và được trả tối đa là 15 năm, đối với mất khả năng lao động một phần được trả tối thiểu là 2 tháng cho đến tối đa là 10 năm, theo khung quy định của luật. Trong một số trường hợp, các khoản trợ cấp có thể được trả một lần.

Mức độ thương tật được đánh giá hàng năm bởi cán bộ y tế của cơ quan An sinh xã hội. Trợ cấp được điều chỉnh trên cơ sở đặc biệt.

Ngoài ra quy định chăm sóc Y tế, phục hồi chức năng. Trường hợp nếu bị chết thì thân nhân được trợ cấp tiền tuất, mai táng.

## **1.6. Nhận xét và kinh nghiệm có thể áp dụng tại Việt Nam**

### **1.6.1. Nhận xét**

Với chế độ bảo hiểm xã hội tai nạn lao động của một số nước ASEAN nêu trên, có nhận xét như sau:

*Cơ sở pháp lý:* Các bộ luật được xây dựng và luôn sửa đổi, bổ sung cho hoàn thiện, phù hợp.

*Tổ chức thực hiện:* Bộ Lao động thực hiện quản lý nhà nước; Cơ quan An sinh xã hội quản lý chương trình thông qua văn phòng Quỹ bồi thường tai nạn lao động hoặc cơ quan bảo hiểm xã hội thu những khoản đóng và chi trả trợ cấp. Chăm sóc y tế được thanh toán bởi bệnh viện dưới hợp đồng với cơ quan An sinh xã hội hoặc cơ quan bảo hiểm xã hội.

*Đối tượng tham gia:* Chủ yếu là người lao động trong các doanh nghiệp. Không thực hiện với bảo hiểm tự nguyện, người tự tạo việc làm và công chức, viên chức nhà nước, tổ chức chính trị và lực lượng vũ trang có hệ thống chính sách đặc biệt áp dụng riêng.

*Nguồn quỹ:* Do người sử dụng lao động đóng và có thể có hỗ trợ của Nhà nước khi thâm hụt;

*Điều kiện hưởng:* Đa số không quy định điều kiện thời gian tham gia tối thiểu để được hưởng chế độ.

*Mức hưởng:* Đa số quy định được chi trả từ quỹ trợ cấp thương tật tạm thời (tiền lương trong thời gian điều trị), chi phí khám chữa bệnh trong thời gian điều trị (từ quỹ bảo hiểm y tế); quy định được hưởng trợ cấp thương tật vĩnh viễn hàng tháng hoặc một lần với tỉ lệ tùy theo mức suy giảm khả năng lao động một phần hoặc toàn bộ và hưởng hàng tháng cho đến cuối đời; quy định được chăm sóc Y tế, phục hồi chức năng và thân nhân được trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng nếu người bị tai nạn lao động chết.

### **1.6.2. Kinh nghiệm rút ra**

Một số kinh nghiệm rút ra có thể áp dụng với Việt Nam:

Cơ sở pháp lý: Các bộ luật luôn sửa đổi, bổ sung cho hoàn thiện, phù hợp;

Tổ chức thực hiện: cơ quan quản lý Nhà nước là Bộ và tổ chức thực hiện là cơ quan BHXH; quy định người sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện trả trợ cấp cho người lao động;

Đối tượng tham gia: Thực hiện đối với người làm công ăn lương;

Nguồn quỹ: Chủ yếu từ đóng góp của người lao động, Nhà nước có hỗ trợ khi thâm hụt. Mức đóng tùy thuộc vào quy định của mức chi trả.

Điều kiện hưởng tai nạn lao động: Không cần có thời gian tham gia tối thiểu;

Mức hưởng tai nạn lao động: Quy định được chi trả từ quỹ trợ cấp thương tật tạm thời (*tiền lương trong thời gian điều trị*), chi phí khám chữa bệnh trong thời gian điều trị (*từ quỹ bảo hiểm y tế*); được hưởng trợ cấp thương tật vĩnh viễn hàng tháng hoặc một lần với tỉ lệ tùy theo mức suy giảm khả năng lao động một phần hoặc toàn bộ và hưởng hàng tháng cho đến cuối đời; được chăm sóc Y tế, phục hồi chức năng và thân nhân được trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng nếu người bị tai nạn lao động chết.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chế độ tai nạn lao động là một trong những chế độ bảo hiểm xã hội được Nhà nước bảo đảm để thân nhân của người lao động đang tham gia lao động hoặc đã tham gia quan hệ lao động, đang hưởng bảo hiểm, đang chờ hưởng bảo hiểm mà bị tai nạn trong quá trình lao động. Bảo hiểm tai nạn lao động có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với người lao động nói riêng và đối với xã hội nói chung, góp phần phát triển bền vững các chế độ an ninh xã hội. Nếu ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, mất việc làm... là những sự kiện rủi ro có thể hoặc không thể xảy ra với người lao động thì ngược lại, tuổi già là một quy luật tất yếu của tuổi già. Pháp luật điều chỉnh về chế độ tai nạn lao động bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật quy định về đối tượng tham gia, các chế độ được hưởng... tạo ra hành lang pháp lý quan trọng trong việc hình thành và phát triển chế độ bảo hiểm xã hội này.

**CHƯƠNG 2:**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHẾ ĐỘ**  
**BẢO HIỂM XÃ HỘI TAI NẠN LAO ĐỘNG**

**2.1. Thực trạng quy định pháp luật Việt Nam về chế độ bảo hiểm xã hội đối với tai nạn lao động**

Những nội dung về Chế độ tai nạn TNLĐ trong Luật BHXH năm 2014 hết hiệu lực và sẽ thực hiện theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13, có hiệu lực thi hành từ 1/7/2016, một số quy định cụ thể như:

**2.1.1. Điều kiện hưởng**

**a) Bị tai nạn lao động**

- Bị tai nạn tại nơi làm việc và trong giờ làm việc;
- Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc (khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động (NSDLĐ));
- Trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc (trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý);
- Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị tai nạn.

**b) Điều kiện hưởng trợ cấp TNLĐ**

- **Trợ cấp một lần:** Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30%.
- **Trợ cấp hàng tháng:** Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên.
- **Trợ cấp phục vụ:** Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên mà bị liệt cột sống hoặc mù 2 mắt hoặc cụt, liệt 2 chi hoặc bị bệnh tâm thần.

**2.1.2. Quyền lợi được hưởng**

**a) Giám định mức suy giảm khả năng lao động:**

- Sau khi thương tật, bệnh tật đã được điều trị ổn định;
- Sau khi thương tật, bệnh tật tái phát đã được điều trị ổn định.

Giám định tổng hợp khi:

- Vừa bị TNLĐ, vừa bị BNN hoặc
- Bị TNLĐ nhiều lần hoặc
- Bị nhiều BNN.

**b) Thời điểm hưởng trợ cấp:**

- Lúc người lao động điều trị xong và ra viện;
- Trường hợp bị thương tật hoặc bệnh tật tái phát thì người lao động được đi giám định lại mức suy giảm khả năng lao động, thời điểm hưởng trợ cấp mới được tính từ tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa.

**c) Mức trợ cấp:**

\* **Trợ cấp 1 lần:** (tính theo tỷ lệ thương tật và theo số năm đóng BHXH):

- Tính theo tỷ lệ thương tật:
  - + Suy giảm 5%: Hưởng bằng 5 tháng lương tối thiểu chung.
  - + Sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 tháng lương tối thiểu chung.
- Tính theo số năm đóng BHXH: Tham gia BHXH từ 1 năm trở xuống được tính bằng 0,5 tháng tiền lương tiền công đóng BHXH; sau đó cứ thêm mỗi năm đóng BHXH được tính thêm 0,3 tháng tiền lương tiền công đóng tháng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc điều trị.

\* **Trợ cấp hàng tháng:** (tính theo tỷ lệ thương tật và theo số năm đóng BHXH):

- Tính theo tỷ lệ thương tật:
  - + Suy giảm 31%: Hưởng bằng 30% tháng lương tối thiểu chung.
  - + Sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% tháng lương tối thiểu chung.
- Tính theo số năm đóng BHXH: Tham gia BHXH từ 1 năm trở xuống được tính bằng 0,5 % tiền lương tiền công đóng BHXH; sau đó cứ thêm mỗi

năm đóng BHXH được tính thêm 0,3% tiền lương tiền công đóng tháng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc điều trị.

*Lưu ý:* Người được hưởng trợ cấp TNLĐ hàng tháng nghỉ việc được hưởng BHYT do quỹ BHXH đảm bảo.

**\* Trợ cấp phục vụ:**

- Ngoài mức hưởng quy định tại trợ cấp hàng tháng, hàng tháng còn được hưởng trợ cấp phục vụ bằng mức lương tối thiểu chung.

**\* Trợ cấp một lần khi chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:** Người lao động đang làm việc bị chết do TNLĐ, BNN thì thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng 36 tháng lương tối thiểu chung.

**\* Cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình:** Người lao động bị TNLĐ, BNN mà bị tổn thương các chức năng hoạt động của cơ thể thì được trợ giúp phương tiện sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình theo niên hạn.

**d) Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau điều trị TNLĐ:**

- **Điều kiện:** Người lao động sau khi điều trị ổn định thương tật do tai nạn lao động, trong thời gian 30 ngày đầu trở lại làm việc mà sức khỏe chưa hồi phục thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

**- Thời gian nghỉ:**

+ Nghỉ 10 ngày/năm nếu suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên.

+ Nghỉ 7 ngày/năm nếu suy giảm khả năng lao động từ 31% - 50%.

+ Nghỉ 5 ngày/năm nếu suy giảm khả năng lao động từ 15% - 30%.

**- Mức hưởng:**

+ Bằng 30% mức lương cơ sở/ngày.

**2.1.3. Thủ tục hồ sơ**

**a) Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động:**

1. Sổ bảo hiểm xã hội.
2. Văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động của người sử dụng lao động (mẫu số 05A-HSB).

3. Biên bản điều tra tai nạn lao động theo quy định.

4. Giấy ra viện (*bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp*) sau khi đã điều trị thương tật tai nạn lao động ổn định đối với trường hợp điều trị nội trú hoặc giấy tờ khám, điều trị thương tật ban đầu đối với trường hợp điều trị ngoại trú.

5. Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa.

6. Trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là tai nạn lao động thì có thêm một trong các giấy tờ sau:

6.1. Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông (*bản sao có chứng thực*).

6.2. Biên bản tai nạn giao thông của cơ quan công an hoặc cơ quan điều tra hình sự quân đội (*bản sao có chứng thực*).

(Đối với người lao động bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp thì thay bằng Giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp (*bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp*) theo mẫu quy định tại Quyết định số 120/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ).

**b) Hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp tai nạn lao động tái phát:**

1. Hồ sơ đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động do cơ quan Bảo hiểm xã hội quản lý.

2. Giấy ra viện (*bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp*) sau khi điều trị ổn định thương tật, bệnh tật cũ tái phát đối với trường hợp điều trị nội trú. Đối với trường hợp không điều trị nội trú là Giấy tờ khám, điều trị thương tật, bệnh tật tái phát (*bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp*).

3. Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật tái phát của Hội đồng Giám định y khoa.



**c) Hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp tai nạn lao động, của người lao động được giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động:**

1. Sổ bảo hiểm xã hội.
2. Văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động của người sử dụng lao động (mẫu số 05A-HSB).
3. Biên bản điều tra tai nạn lao động theo quy định.
4. Trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là tai nạn lao động thì có thêm một trong các giấy tờ sau:
  - 4.1. Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông (*bản sao có chứng thực*).
  - 4.2. Biên bản tai nạn giao thông của cơ quan công an hoặc cơ quan điều tra hình sự quân đội (*bản sao có chứng thực*).
5. Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa.
6. Nếu bị tai nạn lao động: Giấy ra viện (*bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp*) sau khi đã điều trị thương tật tai nạn lao động ổn định đối với trường hợp điều trị nội trú hoặc Giấy tờ khám, điều trị thương tật ban đầu đối với trường hợp điều trị ngoại trú (*bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp*).

**d) Hồ sơ giải quyết cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt và dụng cụ chỉnh hình đối với người bị tai nạn lao động:**

1. Hồ sơ hưởng trợ cấp tai nạn lao động do cơ quan Bảo hiểm xã hội quản lý.
2. Chỉ định của cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc của Bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên phù hợp với tình trạng thương tật, bệnh tật do tai nạn lao động. Đối với trường hợp có chỉ định lắp mắt giả thì có thêm chứng từ lắp mắt giả (*bản chính hoặc bản sao*).

3. Vé tàu, xe đi và về (nếu có).

**e) Hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, gồm:**

Hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau tai nạn lao động là Danh sách đề nghị giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe do người sử dụng lao động lập (mẫu số C70a-HD).

Cột tình trạng ghi mức suy giảm khả năng lao động và cột thời điểm ghi ngày kết luận của Hội đồng giám định y khoa về mức suy giảm khả năng lao động.

### ***2.1.3 Đối tượng điều chỉnh, phân loại***

#### ***2.1.3.1. Đối tượng tham gia chế độ tai nạn lao động***

**a) Người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là công dân Việt Nam:**

Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 1-3 tháng trở lên theo quy định của pháp luật về lao động kể cả cán bộ quản lý, người lao động làm việc trong hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã hưởng tiền công theo hợp đồng lao động từ đủ 1-3 tháng trở lên.

Người lao động là công nhân quốc phòng, công nhân công an làm việc trong các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang.

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân, binh sĩ quân đội nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân đội nhân dân, công an nhân dân phục vụ có thời hạn.

**b) Người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là:**

Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, kể cả các

doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang;

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ;

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác;

Tổ chức, đơn vị hoạt động theo quy định của pháp luật;

Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã;

Hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, tổ chức khác và cá nhân có thuê mướn, sử dụng và trả công cho người lao động;

Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có sử dụng lao động là người Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

#### *2.1.3.2. Phân loại*

Tùy theo mục đích nghiên cứu, tai nạn lao động được phân loại theo các tiêu thức khác nhau:

##### ***a) Theo mức tổn thương:***

Tổn thương đến cơ thể con người được phân thành 3 loại tai nạn lao động như sau:

Tai nạn lao động làm chết người

Tai nạn lao động nặng: làm cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ >61%

Tai nạn lao động nhẹ: làm cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 21-60%

Để đánh giá tình hình tai nạn lao động, người ta sử dụng “Hệ số tần suất tai nạn lao động”

$$K = \frac{n \times 1000}{N}$$

*Trong đó:*

n: số tai nạn lao động tính cho một đơn vị, địa phương, ngành hoặc cho cả nước

N: tổng số người lao động tương ứng

K: hệ số tần suất tai nạn lao động chết người nếu n là số tai nạn lao động chết người

Mục đích của cách phân loại này giúp cho cơ quan quản lý bảo hiểm xã hội có cơ sở đặt ra các mức trợ cấp phù hợp với mức suy giảm khả năng lao động.

### ***b) Theo ngành nghề sản xuất:***

Việc phân loại này rất quan trọng vì tai nạn lao động ở các ngành nghề này khác nhau do đặc điểm của mỗi ngành nghề. Ở nước ta những ngành nghề có công việc càng phức tạp nguy hiểm thì tai nạn lao động gây ra cũng khác nhau. Cách phân loại này còn cho phép xác định mức đóng và hưởng được chính xác, đồng thời cho phép tìm ra những biện pháp hạn chế tai nạn lao động cho phù hợp với đặc điểm sản xuất của từng ngành.

### ***c) Theo nguyên nhân:***

#### ***Nguyên nhân do chủ quan:***

- Nhóm nguyên nhân kỹ thuật: bản thân nguyên lý hoạt động làm việc của máy móc, thiết bị đã chứa đựng những yếu tố nguy hiểm; kết cấu máy móc thiết bị không phù hợp với nhân trắc người Việt; độ bền cơ – lý – hóa của kết cấu chi tiết máy không đảm bảo; thiếu các kết cấu phòng ngừa quá tải (phanh hãm, khóa liên động...); thiếu phương tiện cơ giới hóa hoặc tự động hóa trong những khâu lao động nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm; sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân không thích hợp hoặc hư hỏng...

- Nhóm nguyên nhân về tổ chức lao động: chỗ làm việc không hợp lý (chật hẹp, gò bó...); bố trí sắp đặt máy móc thiết bị sai nguyên tắc an toàn; bố trí mặt bằng sản xuất, đường đi lại, vận chuyển không an toàn; không cung cấp cho người lao động những phương tiện bảo quản cá nhân đặc chủng, phù hợp; tổ

chức huấn luyện, giáo dục bảo hộ lao động không đạt yêu cầu.

- Nhóm nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp: phát sinh bụi, hơi khí độc trong không gian sản xuất; rò rỉ thiết bị bình chứa, đường ống truyền dẫn; thiếu hệ thống thu khử độc ở những nơi phát sinh; tiếng ồn, tiếng rung vượt quá tiêu chuẩn cho phép; ánh sáng không đồng đều; phương tiện bảo vệ cá nhân không đảm bảo yêu cầu vệ sinh, gây bất tiện cho người dùng.

**Nguyên nhân khách quan:**

Trạng thái vật lý của không khí trong khoảng không gian nơi làm việc bao gồm các yếu tố nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt và tốc độ của không khí chính là điều kiện vi khí hậu ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động. Các yếu tố của điều kiện vi khí hậu phải đảm bảo ở giới hạn nhất định, phù hợp với sinh lý của con người. Nhiệt độ quá cao sẽ gây bệnh thần kinh, tim mạch, bệnh ngoài da, say nóng, say nắng. Nhiệt độ thấp hơn tiêu chuẩn cho phép có thể làm tê liệt sự vận động, do đó làm tăng mức độ nguy hiểm khi sử dụng máy móc thiết bị, dễ gây đến tai nạn lao động.

Tiêu chuẩn vi khí hậu cho phép các cơ sở sản xuất công nghiệp và nông nghiệp được tổng kết trong bảng sau:

Thời gian (mùa)	Loại lao động	Nhiệt độ không khí (0°C)		Độ ẩm không khí (%)	Tốc độ không khí (m/s)	Cường độ bức xạ nhiệt (W/m <sup>2</sup> )
		Tối đa	Tối thiểu			
Mùa lạnh	Nhẹ		20	≤ 80	0,2	35 – Khi tiếp xúc trên 50% diện tích cơ thể con người
	Trung bình		18		0,4	
	Nặng		16		0,5	

<b>Mùa nóng</b>	<i>Nhẹ</i>	34		<= 80	1,5	200 – Khi tiếp xúc dưới 25% diện tích cơ thể con người
	<i>Trung bình</i>	32				
	<i>Nặng</i>	30				

(Nguồn: *Quản lý an toàn sức khỏe MTLĐ và PCCN ở doanh nghiệp – Lý Ngọc Minh, NXB KH-KT, Hà Nội 2006*)

Phân loại theo cách này giúp chúng ta tìm được nguyên nhân tai nạn lao động để tìm ra cách hạn chế khác phục và có biện pháp xử lý kịp thời.

**d) Theo độ tuổi và giới tính:**

Theo cách phân loại này có thể xác định được tỷ lệ nam nữ gặp phải rủi ro tai nạn lao động. Thực tế cho thấy tai nạn lao động thường xảy ra đối với nam nhiều hơn nữ, vì họ thường phải làm những công việc nặng nhọc hơn. Tuy nhiên không loại trừ khả năng về kinh nghiệm cũng như về trình độ của mỗi người trong công việc, ngoài ra ở độ tuổi khác nhau thì tai nạn lao động cũng xảy ra khác nhau.

**2.1.4. Quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội tai nạn lao động**

Ngày 15 tháng 5 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 37/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực, trong đó có an toàn, vệ sinh lao động.

Nghị định 39/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật An toàn, vệ sinh lao động 2015 nêu rõ việc khai báo TNLĐ phải nhanh chóng, kịp thời bằng tất cả các phương tiện có thể thông qua hình thức *trực tiếp* hoặc *điện thoại, fax, công điện, thư điện tử* đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh nơi xảy ra tai nạn và cơ quan Công an cấp huyện. Cụ thể như sau:

- Đối với các vụ TNLĐ làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người lao động trở lên thì NSDLĐ phải có trách nhiệm khai báo ngay với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi xảy ra tai nạn; trường hợp tai nạn làm chết người đồng thời báo ngay cho cơ quan Công an cấp huyện.

- Khi biết tin xảy ra TNLĐ chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người lao động trở lên trong các lĩnh vực phóng xạ, thăm dò, khai thác dầu khí, các phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường hàng không và các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân ngoài việc thực hiện khai báo theo quy định của luật chuyên ngành, người sử dụng lao động của cơ sở để xảy ra tai nạn phải khai với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi xảy ra tai nạn và với Bộ quản lý ngành lĩnh vực đó theo thẩm quyền, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác; trường hợp tai nạn làm chết người thì phải đồng thời báo ngay cho Công an cấp huyện;

- Khi xảy ra TNLĐ đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động, ngay sau khi biết sự việc người lao động bị chết hoặc bị thương nặng do TNLĐ, gia đình nạn nhân hoặc người phát hiện có trách nhiệm khai báo ngay với UBND cấp xã nơi xảy ra TNLĐ. Khi nhận được tin xảy ra TNLĐ làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người lao động trở lên, UBND cấp xã, nơi xảy ra tai nạn phải báo bằng cách nhanh nhất với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Công an cấp.

*Nội dung khai báo TNLĐ được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 39.*

Trong phạm vi trách nhiệm của mình, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết tin báo về TNLĐ, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, thông báo kết quả giải quyết tin báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã báo tin khi có yêu cầu và phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người đã báo tin.

Như vậy, việc khai báo thông tin về TNLĐ phải kịp thời, nhanh chóng. Mục đích của công tác khai báo TNLĐ phần nào hạn chế rủi ro tai nạn, kịp thời xử lý, giải quyết những tai nạn đã xảy ra, bảo vệ sức khỏe, tính mạng cho người lao động.

Ngoài việc khai báo TNLĐ thì NSDLĐ còn có nghĩa vụ phối hợp điều tra, lập biên bản, thống kê và báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật tất cả các vụ tai nạn lao động, các trường hợp bị bệnh nghề nghiệp xảy ra ở đơn vị mình cho cơ quan có thẩm quyền.

Tùy theo mức độ nghiêm trọng của tình hình TNLĐ mà các cơ quan chức năng phối hợp cùng NSDLĐ thành lập Đoàn điều tra TNLĐ cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp Trung ương theo quy định tại Điều 11 Nghị định 39 để tiến hành các công việc thu thập dấu vết, chứng cứ, tài liệu có liên quan đến vụ TNLĐ; lấy lời khai của nạn nhân, người biết sự việc hoặc người có liên quan; giám định kỹ thuật, giám định pháp y; phân tích diễn biến, nguyên nhân gây TNLĐ,... để tìm ra hướng giải quyết vụ việc, trách nhiệm bồi thường cho NLĐ, đặc biệt là có thể đưa ra biện pháp khắc phục và phòng ngừa TNLĐ tương tự hoặc tái diễn có thể xảy ra trong tương lai.

Công tác điều tra tai nạn lao động phải đảm bảo chính xác, khách quan và minh bạch, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho NLĐ.

#### ***2.1.4. Nguyên tắc về chế độ bảo hiểm xã hội đối với tai nạn lao động***

Mức hưởng bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội và có chia sẻ giữa những người tham gia bảo hiểm xã hội.

Mức đóng bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở tiền lương, tiền công của người lao động.

Người lao động vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được hưởng chế độ hưu trí và chế độ tử tuất trên cơ sở thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.

Quỹ bảo hiểm xã hội được quản lý thống nhất, dân chủ, công khai, minh



bạch, được sử dụng đúng mục đích, được hạch toán độc lập theo các quỹ thành phần của bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Việc thực hiện bảo hiểm xã hội phải đơn giản, dễ dàng, thuận tiện, bảo đảm kịp thời và đầy đủ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội.

***2.1.6. Quyền, trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức bảo hiểm xã hội và tổ chức liên quan trong tổ chức thực hiện chế độ tai nạn lao động***

***2.1.6.1. Đối với người lao động***

Có các quyền: được cấp sổ bảo hiểm xã hội; nhận sổ bảo hiểm xã hội khi không còn làm việc; nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời; hưởng bảo hiểm y tế khi ghi việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng; uỷ quyền cho người khác nhận trợ cấp; yêu cầu người sử dụng lao động cung cấp thông tin quy định tại điểm h khoản 1 Điều 18; yêu cầu tổ chức bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về đóng và hưởng chế độ; khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Có trách nhiệm: đóng bảo hiểm xã hội theo quy định; thực hiện quy định về việc lập hồ sơ bảo hiểm xã hội; bảo quản sổ bảo hiểm xã hội theo đúng quy định; các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

***2.1.6.2. Đối với người sử dụng lao động***

Có các quyền: từ chối thực hiện những yêu cầu không đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Có trách nhiệm: đóng bảo hiểm xã hội theo quy định; bảo quản sổ bảo hiểm xã hội của người lao động trong thời gian người lao động làm việc; trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động khi người đó không còn làm việc; lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ, đóng và hưởng bảo hiểm xã hội; trả trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người lao động; giới thiệu người lao động đi giám định mức suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa để hưởng chế độ tai nạn

lao động; cung cấp tài liệu, thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của người lao động khi người lao động hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

#### *2.1.6.3. Đối với tổ chức bảo hiểm xã hội*

Có các quyền: tổ chức quản lý nhân sự, tài chính và tài sản theo quy định của pháp luật; từ chối yêu cầu trả bảo hiểm xã hội không đúng quy định; khiếu nại về bảo hiểm xã hội; kiểm tra việc đóng bảo hiểm xã hội và trả các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội và quản lý quỹ bảo hiểm xã hội; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Có trách nhiệm: tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội; hướng dẫn thủ tục thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động, người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; thực hiện việc thu bảo hiểm xã hội theo quy định; tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ; thực hiện việc trả trợ cấp bảo hiểm xã hội đầy đủ, thuận tiện và đúng thời hạn; cấp sổ bảo hiểm xã hội đến từng người lao động; quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm lao động theo quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp bảo toàn và tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội; tổ chức thực hiện công tác thống kê, kế toán, hướng dẫn nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội; giới thiệu người lao động đi giám định mức suy giảm khả năng lao động khi người bị tai nạn lao động tái phát, giám định tổng hợp; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm xã hội; lưu trữ hồ sơ của người tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật; định kỳ 06 tháng, báo cáo Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội về tình hình thực hiện bảo hiểm xã hội; hàng năm, báo cáo Chính phủ và cơ quan quản lý nhà nước về tình hình quản lý và sử dụng quỹ; cung cấp đầy đủ và

kip thời thông tin về việc đóng, quyền được hưởng chế độ, thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội khi người lao động hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu; cung cấp tài liệu, thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện bảo hiểm xã hội; thực hiện hợp tác quốc tế về bảo hiểm xã hội và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

#### *2.1.6.4. Đối với tổ chức Công đoàn*

Có các quyền: bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội; yêu cầu người sử dụng lao động, tổ chức bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về bảo hiểm xã hội của người lao động; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Có trách nhiệm: tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với người lao động; kiến nghị, tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội; tham gia kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về bảo hiểm xã hội.

#### *2.1.6.5. Đối với đại diện người sử dụng lao động*

Có các quyền: bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động.

Có trách nhiệm: tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với người sử dụng lao động; kiến nghị, tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội; tham gia kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về bảo hiểm xã hội tai nạn lao động.

#### **2.1.7. *Hưởng chế độ bảo hiểm xã hội tai nạn lao động***

TNLD xảy ra là điều không mong muốn của cả người sử dụng lao động và người lao động. Tuy nhiên, trong quá trình lao động sản xuất điều không mong muốn ấy vẫn xảy ra. Quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và quản lý Nhà nước liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao

động tại Luật An toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) 2015 đã kế thừa và được phát triển với nhiều nội dung mới so với những quy định tại các Nghị định của Chính phủ, Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội ban hành trước đây.

Luật ATVSLĐ 2015 đã mở rộng đối tượng hưởng chế độ tai nạn lao động phù hợp với đối tượng đóng bảo hiểm xã hội (BHXH). Trong đó có việc bổ sung đối tượng người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 3 tháng đến dưới 12 tháng, kể cả hợp đồng được ký kết giữa người sử dụng lao động với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động; người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 1 tháng đến dưới 3 tháng; người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu; người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương và người lao động làm việc không theo hợp đồng.

Đối với điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động, 3 trường hợp đủ điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động nhưng. Theo đó, trường hợp bị tai nạn tại nơi làm việc và trong giờ làm việc bao gồm cả khi người lao động đang thực hiện các nhu cầu sinh hoạt cần thiết tại nơi làm việc hoặc trong giờ làm việc mà Bộ luật Lao động, nội quy của cơ sở sản xuất, kinh doanh cho phép, như nghỉ giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, làm vệ sinh kinh nguyệt, tắm rửa, cho con bú, đi vệ sinh.

Trường hợp người lao động không được hưởng chế độ do Quỹ Bảo hiểm tai nạn lao động chi trả nếu bị tai nạn do một trong các nguyên nhân: do mâu thuẫn của chính nạn nhân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động; do người lao động cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân; do sử dụng ma túy, chất gây nghiện khác trái với quy định của pháp luật.

Theo quy định của Luật an toàn vệ sinh lao động kể từ khi thương tật, bệnh tật đã được điều trị ổn định và trong thời gian điều trị được người sử dụng

lao động thanh toán phần chi phí đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả; trả đủ tiền lương theo hợp đồng lao động và bồi thường cho người lao động theo mức:

Không do lỗi của người lao động: Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động nếu bị suy giảm từ 5,0% đến 10% khả năng lao động, sau đó từ 11% đến 80% thì cứ tăng 1,0% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương; ít nhất bằng 30 tháng tiền lương nếu bị giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc bị chết do tai nạn lao động.

Do lỗi của người lao động thì được trợ cấp một khoản tiền ít nhất bằng 40% mức nêu trên.

***Về hưởng bảo hiểm xã hội khi bị tai nạn lao động được quy định như sau:***

***a) Điều kiện hưởng:***

Người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội chế độ tai nạn lao động bị tai nạn lao động và suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên được hưởng chế độ thuộc một trong các trường hợp sau:

Bị tai nạn tại nơi làm việc và trong giờ làm việc bao gồm: Tai nạn xảy ra trong quá trình lao động gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động được phân công; tai nạn trong thời gian ngừng việc giữa giờ do nhu cầu sinh hoạt đã được chế độ, nội quy quy định như vệ sinh kinh nguyệt, tắm rửa, cho con bú, đi vệ sinh; tai nạn trong thời gian nghỉ giải lao, ăn giữa ca, thời gian chuẩn bị và kết thúc công việc;

Bị tai nạn ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động mà các công việc đó gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động được phân công;

Bị tai nạn trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý. Khoảng thời gian hợp lý là khoảng thời gian cần thiết để đến nơi làm việc trước giờ làm việc hoặc trở về sau giờ làm

việc. Tuyến đường hợp lý là tuyến đường thường xuyên đi và về từ nơi thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đến nơi làm việc và ngược lại;

Bị tai nạn trong huấn luyện quân sự, trong học tập, rèn luyện, công tác, lao động sản xuất, thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của chỉ huy đơn vị, kể cả tại nơi làm việc hoặc ngoài nơi làm việc, trong giờ làm việc hoặc ngoài giờ làm việc (đối với lực lượng vũ trang).

***b) Giám định mức suy giảm khả năng lao động:***

Người lao động bị tai nạn lao động được giám định hoặc được giám định lại mức suy giảm tai nạn lao động sau khi thương tật, bệnh tật đã được điều trị ổn định và sau khi thương tật, bệnh tật tái phát đã được điều trị ổn định.

Người lao động bị tai nạn lao động được giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động khi bị tai nạn lao động, bị tai nạn lao động nhiều lần.

***c) Thời điểm hưởng trợ cấp:***

Thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần, hàng tháng và trợ cấp phục vụ đối với người lao động điều trị nội trú được tính từ tháng người lao động điều trị xong, ra viện.

Trường hợp không xác định được thời điểm điều trị xong, ra viện (trong giấy ra viện còn có chỉ định hẹn khám lại; tháo bột; tháo nẹp; tháo vít) thì thời điểm hưởng trợ cấp hàng tháng được tính từ tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa.

Thời điểm hưởng trợ cấp mới đối với trường hợp thương tật hoặc bệnh tật tái phát được hưởng từ tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa.

Thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động sau khi giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động được tính kể từ tháng người lao động điều trị xong, ra viện của lần điều trị tai nạn lao động sau cùng hoặc tại tháng có kết luận giám định tổng hợp của Hội đồng giám định y khoa nếu không phải điều trị nội trú.

***d) Mức hưởng chế độ tai nạn lao động:***

Mức hưởng trợ cấp một lần: người lao động bị suy giảm khả năng lao

động từ 5% đến 30% do tai nạn lao động được hưởng trợ cấp một lần, mức hưởng trợ cấp gồm: Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động (suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 5 tháng lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 tháng lương cơ sở) và mức trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội (từ 1 năm trở xuống thì được tính bằng 0,5 tháng, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 0,3 tháng tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị).

Mức hưởng trợ cấp hàng tháng: người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên do tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp hàng tháng, mức hưởng trợ cấp hàng tháng gồm: Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động (suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương cơ sở) và mức trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội (từ 1 năm trở xuống được tính bằng 0,5%, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 0,3% mức tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị)

Căn cứ theo khoản 2 Điều 2 47/2017/NĐ-CP ngày 24/7/2017 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang quy định mức lương cơ sở là : *“Từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 mức lương cơ sở là 1.150.000 đồng/tháng.”*. Ngày 01/5/2016 thì mức lương cơ sở tăng lên 1.210.000 đồng.

Mức hưởng tai nạn lao động trong trường hợp giám định lại, giám định tổng hợp và bị tổn thương các chức năng hoạt động:

+ Đối với người đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần theo quy định trước ngày 01/01/2007: Sau khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động dưới 31% thì được hưởng mức trợ cấp một lần theo quy định trước Luật bảo hiểm xã hội sau khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động từ

31% trở lên thì được hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng. Mức hưởng theo quy định trước Luật bảo hiểm xã hội.

+ Đối với người đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng theo quy định trước ngày 01/01/2007, sau khi giám định lại thì tùy thuộc vào kết quả giám định lại mức suy giảm khả năng lao động, được hưởng mức trợ cấp hàng tháng theo quy định trước Luật bảo hiểm xã hội.

+ Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần theo quy định Luật bảo hiểm xã hội: Sau khi giám định lại, có mức suy giảm khả năng lao động tăng so với trước đó và dưới 31% thì hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp một lần được tính bằng hiệu số giữa mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới với mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động trước đó; sau khi giám định lại, có mức suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp hàng tháng, trong đó mức theo suy giảm khả năng lao động được tính mức mới; mức tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội được tính với số năm đóng bảo hiểm xã hội và tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội đã tính hưởng trợ cấp một lần trước đó.

+ Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng theo Luật bảo hiểm xã hội, khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động thay đổi thì mức trợ cấp hàng tháng mới được tính lại, trong đó mức theo mức suy giảm khả năng lao động được tính mức mới; mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội mức hiện hưởng.

Mức trợ cấp tai nạn lao động đối với người lao động được giám định lại mức suy giảm khả năng lao động được tính theo mức lương cơ bản tại tháng có kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa.

+ Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần hoặc hàng tháng mà từ ngày 01/01/2007 trở đi bị tai nạn lao động mới thì tùy thuộc vào mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động sau khi giám định tổng hợp để giải quyết hưởng trợ cấp tai nạn lao động theo quy định của Luật bảo hiểm



xã hội. Trong đó mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới được tính theo mức lương cơ sở tại tháng ra viện của lần điều trị tai nạn lao động sau cùng, hoặc tại tháng có kết luận giám định tổng hợp của Hội đồng giám định y khoa nếu không phải điều trị nội trú; mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội sau khi giám định tổng hợp được tính với số năm đóng bảo hiểm xã hội và tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị tai nạn lao động sau cùng.

Trợ cấp phục vụ: người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên mà bị liệt cột sống hoặc mù hai mắt hoặc cụt, liệt hai chi hoặc bị bệnh tâm thần thì ngoài mức hưởng trợ cấp hàng tháng còn được hưởng trợ cấp phục vụ bằng mức lương tối thiểu chung/tháng.

Người lao động bị tai nạn lao động mà bị tổn thương các chức năng hoạt động của cơ thể thì tùy theo tình trạng thương tật, bệnh tật được cấp tiền để mua các phương tiện trợ giúp sinh hoạt và dụng cụ chỉnh hình theo chỉ định tại cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc của bệnh viện cấp tỉnh trở lên (gọi tắt là cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng). Tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình và niên hạn cấp như sau:

+ Đối với người bị cụt chân, cụt tay, bị liệt:

\* Người bị cụt chân được cấp tiền để mua chân giả, niên hạn là 3 năm (nếu cư trú ở miền núi, vùng cao thì niên hạn là 2 năm); mỗi năm được cấp thêm 170.000 đồng để mua các vật phẩm phụ.

\* Người bị mất cả bàn chân hoặc nửa bàn chân không có khả năng lắp chân giả, hoặc bị ngắn chân, bàn chân bị lệch vẹo được cấp tiền để mua một đôi giày chỉnh hình, hoặc một đôi dép chỉnh hình; niên hạn là 2 năm.

\* Người bị cụt tay được cấp tiền để mua tay giả, niên hạn là 5 năm; mỗi năm được cấp thêm 60.000 đồng để mua các vật phẩm phụ.

\* Người bị liệt toàn thân, hoặc liệt nửa người, hoặc liệt 2 chân hoặc cụt cả

2 chân không còn khả năng tự di chuyển thì được cấp tiền một lần để mua một chiếc xe lăn hoặc xe lắc; mỗi năm được cấp thêm 300.000 đồng để bảo trì phương tiện.

Mức tiền được cấp để mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình có quy định tại Bảng giá

+ Đối với người bị hỏng mắt, gãy răng, bị điếc:

\* Người bị hỏng mắt được cấp tiền một lần để lắp mắt giả theo chứng từ thực tế của cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng nơi điều trị.

\* Người bị gãy răng được cấp tiền để làm răng giả với mức giá 1.000.000 đồng/1 răng; niên hạn là 5 năm.

\* Người bị điếc cả 2 tai được cấp 500.000 đồng để mua máy trợ thính, niên hạn là 3 năm.

Ngoài ra người lao động được cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình được thanh toán một lần tiền tàu, xe đi và về theo giá quy định của Nhà nước với phương tiện giao thông như xe khách, tàu hoả, tàu thuỷ từ nơi cư trú đến cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng gần nhất.

***e) Chế độ Bảo hiểm y tế:***

Người hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng nghỉ việc, được hưởng bảo hiểm y tế do quỹ bảo hiểm xã hội đảm bảo.

***g) Dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ sau khi điều trị ổn định thương tật, bệnh tật:***

Điều kiện hưởng: Trong khoảng thời gian 60 ngày, tính từ ngày có kết luận của Hội đồng giám định y khoa mà sức khoẻ còn yếu.

Thời gian nghỉ trong một năm (tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần, ngày đi và về nếu nghỉ tại cơ sở tập trung): Tối đa 10 ngày đối với suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên; tối đa 7 ngày đối với suy giảm khả năng lao động từ 31% đến 50%; bằng 5 ngày đối với suy giảm khả năng lao động từ 15% đến 30%.

Mức hưởng một ngày dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ: Bằng 25% mức lương tối thiểu chung nếu nghỉ tại gia đình; bằng 40% mức lương tối thiểu chung nếu nghỉ tại cơ sở tập trung (cả tiền đi lại, tiền ăn và ở).

#### ***h) Chế độ trang thiết bị, phương tiện cá nhân:***

Theo Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 2 năm 2014 hướng dẫn thực hiện chế độ trang thiết bị bảo vệ cá nhân thì người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại phải được cấp trang thiết bị, phương tiện cá nhân đúng quy cách và chất lượng theo tiêu chuẩn. Người sử dụng lao động phải có trách nhiệm hướng dẫn người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân.

#### ***l) Chế độ bồi dưỡng hiện vật***

Theo Thông tư số 25/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ LĐ - TB&XH hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm độc hại theo nguyên tắc: giúp tăng cường sức đề kháng và thải độc của cơ thể; đảm bảo thuận tiện, an toàn, vệ sinh thực phẩm; thực hiện trong ca, ngày làm việc, trừ trường hợp việc bồi dưỡng không thể tổ chức tại nơi làm việc; không được trả tiền thay cho hiện vật bồi dưỡng.

Bồi dưỡng bằng hiện vật được tính theo định suất hàng ngày và có giá trị bằng tiền ứng theo các mức: mức 1: 10.000 đồng; mức 2: 15.000 đồng; mức 3: 20.000 đồng; mức 4: 25.000 đồng.

Chi phí bồi dưỡng bằng hiện vật được hạch toán vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông đối với doanh nghiệp,

#### ***2.1.8. Quỹ bảo hiểm xã hội với chế độ tai nạn lao động***

Quỹ tai nạn lao động được hình thành từ đóng góp của người sử dụng lao động và tiền sinh lời của hoạt động đầu tư quỹ; Nhà nước hỗ trợ cho quỹ khi cần thiết và quỹ được quản lý thống nhất.

Mức đóng của người sử dụng lao động vào quỹ hàng tháng là 1% trên

quỹ tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội của người lao động (Tiền lương đóng bảo hiểm xã hội đối với đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước là tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc quân hàm và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, nếu có tính trên cơ sở mức lương cơ sở; đối với người hưởng theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định là mức tiền lương ghi trong hợp đồng lao động). Mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cao nhất bằng 20 tháng lương cơ sở.

Quỹ tai nạn lao động được sử dụng để trả các chế độ tai nạn lao động cho người lao động theo quy định; đóng bảo hiểm y tế cho người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng đã nghỉ việc; chi phí quản lý; và chi khen thưởng cho người sử dụng lao động thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, phòng ngừa tai nạn lao động.

Số tồn dư của quỹ được đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng theo quy định (*Mua trái phiếu, tín phiếu, công trái của Nhà nước, của ngân hàng thương mại của Nhà nước; cho ngân hàng thương mại của Nhà nước vay; đầu tư vào các công trình kinh tế trọng điểm quốc gia và đầu tư khác theo quy định của Chính phủ*).

### **2.1.9. Hành vi nghiêm cấm, hành vi vi phạm pháp luật về chế độ tai nạn lao động và xử lý vi phạm**

#### *2.1.9.1. Các hành vi bị nghiêm cấm*

Không đóng bảo hiểm xã hội theo quy định; gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện chế độ; sử dụng quỹ tai nạn lao động sai mục đích; gây phiền hà, trở ngại, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và báo cáo sai sự thật, cung cấp sai lệch thông tin, số liệu về chế độ tai nạn lao động.

#### *2.1.9.2. Hành vi vi phạm pháp luật chế độ tai nạn lao động*

Hành vi vi phạm pháp luật về đóng bảo hiểm xã hội: không đóng; đóng

không đúng thời gian quy định; đóng không đúng mức quy định; đóng không đủ số người thuộc diện tham gia theo quy định.

Hành vi vi phạm pháp luật về thủ tục thực hiện: cố tình gây khó khăn hoặc cản trở việc hưởng các chế độ của người lao động; không cấp sổ bảo hiểm xã hội hoặc không trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định;

Hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng tiền đóng và quỹ: sử dụng tiền đóng và quỹ trái quy định của pháp luật; báo cáo sai sự thật, cung cấp sai lệch thông tin, số liệu tiền đóng và quỹ.

Hành vi vi phạm pháp luật về lập hồ sơ để hưởng chế độ: gian lận, giả mạo hồ sơ; cấp giấy chứng nhận, giám định sai.

#### *2.1.9.3. Xử lý vi phạm*

a) Cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật về các nội dung nêu trên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về các nội dung nêu trên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

c) Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm pháp luật về đóng bảo hiểm xã hội từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải đóng số tiền lãi của số tiền chưa đóng, chậm đóng theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm. Trong trường hợp người sử dụng lao động không thực hiện quy định tại khoản này thì theo yêu cầu của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước có trách nhiệm trích tiền từ tài khoản tiền gửi của người sử dụng lao động để nộp số tiền chưa đóng, chậm đóng và lãi của số tiền này.

d) Hình thức và mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền

xử phạt vi phạm hành chính:

**- Hình thức và mức xử phạt:**

+ Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người lao động có hành vi thỏa thuận với người sử dụng lao động không tham gia bảo hiểm xã hội; phạt tiền với mức từ 12% đến 15% tổng số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội nhưng tối đa không quá 75.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi: chậm đóng bảo hiểm xã hội, đóng bảo hiểm xã hội không đúng mức quy định, đóng bảo hiểm xã hội không đủ số người thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội; phạt tiền với mức từ 18% đến 20% tổng số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội nhưng tối đa không quá 75.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động không đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ người lao động thuộc diện tham gia.

+ Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người lao động có hành vi kê khai không đúng sự thật hoặc sửa chữa, tẩy xóa những nội dung có liên quan đến việc hưởng bảo hiểm xã hội; phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi giả mạo hồ sơ bảo hiểm xã hội để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với mỗi hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội giả mạo.

+ Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 800.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi: không cung cấp tài liệu, thông tin về bảo hiểm xã hội theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không cung cấp thông tin về đóng bảo hiểm xã hội của người lao động khi người lao động hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu.

+ Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng khi vi phạm với mỗi người lao động đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi: không trả chế độ ốm đau, thai sản, trợ cấp dưỡng sức trong thời hạn 03 theo quy định; không trả chế độ tai nạn lao động trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định chi trả của cơ quan bảo hiểm xã hội, làm mất mát, hư hỏng, sửa chữa,

tẩy xóa sổ bảo hiểm xã hội.

+ Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng khi vi phạm với mỗi người lao động đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi: không lập hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày giao kết làm việc; không lập hồ sơ hoặc văn bản đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết chế độ tai nạn lao động sau 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ của người lao động; không giới thiệu người lao động đi giám định suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa để giải quyết chế độ tai nạn lao động cho người lao động.

+ Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi sử dụng Quỹ bảo hiểm xã hội sai mục đích.

**- Biện pháp khắc phục hậu quả:**

+ Buộc truy nộp số tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng, chậm đóng; buộc đóng số tiền lãi của số tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng, chậm đóng theo quy định.

+ Buộc nộp lại cho tổ chức bảo hiểm xã hội số tiền bảo hiểm xã hội đã nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định về lập hồ sơ để hưởng chế độ tai nạn lao động.

+ Buộc nộp lại lợi nhuận thu được từ việc sử dụng Quỹ bảo hiểm xã hội sai mục đích đối với hành vi vi phạm khác.

**- Thẩm quyền xử phạt:**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Thanh tra lao động gồm: Thanh tra viên lao động; Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng đoàn thanh tra lao động cấp Bộ; Trưởng đoàn thanh tra lao động cấp Sở, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

## ***2.1.10. Thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội với chế độ tai nạn lao động***

### ***2.1.10.1. Hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động và trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau tai nạn lao động***

Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động tại Luật ATVSLĐ đã có sự thay đổi đáng kể: Bỏ thành phần hồ sơ theo quy định hiện hành đã phát sinh rất nhiều vướng mắc trong quá trình giải quyết, đó là biên bản điều tra tai nạn lao động trong giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động. Việc bỏ các thành phần hồ sơ nêu trên đáp ứng yêu cầu cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính; quá trình thực hiện giải quyết chế độ tai nạn lao động, vì vậy, sẽ đơn giản, nhanh gọn, hạn chế tối đa vướng mắc so với hiện hành và giảm bớt trách nhiệm của cơ quan BHXH trong thực hiện thẩm định hồ sơ, xét duyệt hưởng chế độ. Tuy nhiên, để phòng, tránh lạm dụng, đòi hỏi phải có những quy định ràng buộc trách nhiệm của người sử dụng lao động khi đề nghị giải quyết chế độ cho người lao động; nền tảng, cơ sở hạ tầng của việc lưu trữ hồ sơ, cơ sở dữ liệu gốc đối với từng đơn vị sử dụng lao động, cũng như các cơ quan có thẩm quyền liên quan, đáp ứng yêu cầu công khai, minh bạch hóa và thuận tiện khai thác khi có yêu cầu.

Hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động, gồm: sổ bảo hiểm xã hội; biên bản điều tra tai nạn lao động, trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là tai nạn lao động thì phải có thêm bản sao Biên bản tai nạn giao thông; giấy ra viện sau khi đã điều trị tai nạn lao động; biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa; văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động.

Hồ sơ hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, gồm: danh sách người đã hưởng chế độ tai nạn lao động mà sức khỏe còn yếu do người sử dụng lao động lập; văn bản đề nghị giải quyết trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

### ***2.1.10.2. Giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động và trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe***



Người sử dụng lao động nộp hồ sơ cho tổ chức bảo hiểm xã hội theo quy định.

Tổ chức bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### *2.1.10.3. Di chuyển nơi hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng*

Khi người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng chuyển đến nơi ở khác trong nước mà muốn được hưởng chế độ ở nơi mới thì phải có đơn gửi tổ chức bảo hiểm xã hội nơi đang hưởng; tổ chức bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được đơn; trường hợp không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **2.1.11. Khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội chế độ tai nạn lao động**

##### *2.1.11.1. Khiếu nại về bảo hiểm xã hội*

Người lao động, người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng và những người khác có quyền khiếu nại quyết định, hành vi của người sử dụng lao động, tổ chức bảo hiểm xã hội khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Người sử dụng lao động có quyền khiếu nại quyết định, hành vi của tổ chức bảo hiểm xã hội khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

##### *2.1.11.2. Thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại*

Việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính về BHXH được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi về bảo hiểm xã hội không thuộc trường hợp quyết định hành chính, hành vi hành chính được thực hiện như sau:

+ Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu về bảo hiểm xã hội là người có quyết định, hành vi về bảo hiểm xã hội bị khiếu nại.

Trong trường hợp người có quyết định, hành vi về bảo hiểm xã hội bị khiếu nại không còn tồn tại thì cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp huyện có thẩm quyền giải quyết;

+ Trong trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Toà án hoặc khiếu nại đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh;

+ Trong trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Toà án;

+ Thời hiệu khiếu nại, thời hạn giải quyết khiếu nại được áp dụng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

#### *2.1.11.3. Tố cáo, giải quyết tố cáo về bảo hiểm xã hội tai nạn lao động*

Tố cáo về bảo hiểm xã hội tai nạn lao động được quy định tại Điều 120 Luật bảo hiểm xã hội 2014 như sau:

*“Điều 120: Tố cáo, giải quyết tố cáo về bảo hiểm xã hội*

*Việc tố cáo và giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo”.*

Theo đó, tố cáo về bảo hiểm xã hội được hiểu là việc công dân theo thủ tục do Luật tố cáo 2011 quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật bảo hiểm xã hội của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

#### **2.1.12. Nội dung chuyển tiếp**

Người đang hưởng và người bị đình chỉ hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng trước ngày 01/01/2007 thì vẫn thực hiện theo các quy định trước đây

và được điều chỉnh mức hưởng theo quy định của pháp luật.

Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng trước ngày 01/01/2007 thì khi chết được áp dụng chế độ tử tuất quy định mới.

Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng trước ngày 01/01/2007 thì việc trang cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình được thực hiện theo hướng dẫn tại các văn bản ban hành trước ngày 01/01/2007

Lao động nữ sinh con hoặc người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi trước ngày 01/01/2007, người bị tai nạn lao động điều trị xong, ra viện trước ngày 01/01/2007 thì vẫn hưởng các chế độ theo quy định trước đây.

## **2.2. Thực trạng về thực hiện quy định chế độ bảo hiểm xã hội đối với tai nạn lao động**

### ***2.2.1. Thực trạng về quy định điều tra tai nạn lao động và trách nhiệm của đơn vị sử dụng lao động đối với nội dung liên quan đến giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội tai nạn lao động***

Việc điều tra tai nạn lao động và trách nhiệm của đơn vị sử dụng lao động đối với nội dung liên quan đến giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội hiện đang được thực hiện theo quy định của luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và Thông tư Liên tịch số 12/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 21/5/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

#### ***a. Thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động:***

Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở: gồm: người sử dụng lao động (chủ cơ sở); đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở; người làm công tác an toàn - vệ sinh lao động; cán bộ y tế của cơ sở và một số thành viên khác (nếu xét thấy cần thiết).

Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh, gồm: đại diện Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, trưởng đoàn; đại diện Sở Y tế; đại diện Liên đoàn Lao động tỉnh và một số thành viên khác (nếu xét thấy cần thiết).

Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp Trung ương, gồm: đại diện Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trưởng đoàn; đại diện Bộ Y tế; đại diện Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và một số thành viên khác (nếu xét thấy cần thiết).

*b. Thẩm quyền của Đoàn điều tra tai nạn lao động:*

Đoàn điều tra tai nạn cấp cơ sở: Điều tra các vụ tai nạn xảy ra tại nơi làm việc của cơ sở mình, trừ các trường hợp tai nạn chết người hoặc làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên. Nếu người lao động bị tai nạn thuộc quyền quản lý của cơ sở khác thì cơ sở để xảy ra tai nạn chủ trì tiến hành điều tra;

Đoàn điều tra tai nạn cấp tỉnh: điều tra các vụ tai nạn chết người hoặc làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên xảy ra trên địa bàn tỉnh; điều tra lại các vụ tai nạn đã được Đoàn điều tra tai nạn cấp cơ sở điều tra trên địa bàn tỉnh; điều tra lại các vụ tai nạn xảy ra cho người lao động Việt Nam tại các công trình do doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu ở nước ngoài;

Đoàn điều tra tai nạn cấp Trung ương: điều tra các vụ tai nạn chết người khi Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xét thấy cần thiết, theo đề nghị của Chánh thanh tra Bộ; điều tra lại các vụ tai nạn lao động đã được đoàn điều tra tai nạn cấp tỉnh điều tra, việc điều tra lại theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Đoàn điều tra tai nạn các Bộ, ngành quản lý lĩnh vực (phóng xạ; thăm dò, khai thác dầu khí; các phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường hàng không): Phối hợp với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, nơi cơ sở có người bị tai nạn đặt trụ sở chính (hoặc Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), điều tra các vụ tai nạn chết người hoặc làm từ hai người lao động bị tai nạn nặng trở lên, xảy ra trong các lĩnh vực nêu tại trên;

Đoàn điều tra tai nạn lao động nêu trên thực hiện lập Biên bản điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định.

*c. Thời hạn điều tra tai nạn lao động:*

Thời hạn điều tra vụ tai nạn lao động được tính từ thời điểm xảy ra tai nạn đến khi công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động, cụ thể: không quá 02 ngày làm việc đối với tai nạn lao động nhẹ; không quá 05 ngày làm việc đối với tai nạn lao động nặng; không quá 15 ngày làm việc đối với tai nạn lao động làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên; không quá 20 ngày làm việc đối với các vụ tai nạn lao động chết người tính từ khi Đoàn điều tra tai nạn lao động nhận được đầy đủ tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn từ cơ quan Cảnh sát điều tra. Không quá 40 ngày làm việc đối với vụ tai nạn lao động cần phải giám định kỹ thuật hoặc giám định pháp y.

Trường hợp vụ tai nạn chết người hoặc làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên cần gia hạn thời hạn điều tra thì thời hạn gia hạn điều tra không vượt quá thời hạn quy định nêu trên.

*d. Trách nhiệm của người sử dụng lao động:*

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc lập Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động. Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở gửi (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) Biên bản điều tra tai nạn lao động và Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động tới cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh, nơi cơ sở có người bị nạn đặt trụ sở chính để giải quyết chế độ tai nạn lao động cho người lao động theo quy định;

**2.2.2. Thực trạng về quy định giám định mức suy giảm khả năng lao động**

Việc giám định mức suy giảm khả năng lao động hiện đang được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BYT ngày 05/4/2010 của Bộ Y tế, cụ thể như sau: Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp trung ương và Hội đồng giám định y khoa thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm: tiếp nhận hồ sơ đề nghị giám định khả năng lao động do tai nạn lao động từ người sử dụng lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội để khám giám định lần đầu, khám giám định tái phát, khám giám định tổng hợp và khám

giám định khiếu nại; căn cứ Bảng quy định về tiêu chuẩn thương tật và tiêu chuẩn mất sức lao động do bệnh tật, ban hành quyết định kết quả giám định khả năng lao động gửi người sử dụng lao động hoặc cơ quan bảo hiểm xã hội làm căn cứ giải quyết chế độ.

### ***2.2.3. Thực trạng về quy định thực hiện giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động***

Căn cứ quy định của Luật an toàn vệ sinh lao động về trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm xã hội là “Hướng dẫn thủ tục thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động, người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội” và quy định về giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động. Quy trình thực hiện giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động, nội dung như sau:

- Người lao động và thân nhân người lao động:

Đang làm việc tham gia bảo hiểm xã hội bị tai nạn lao động lần đầu thì nộp hồ sơ cho người lao động;

Bị thương tật, bệnh tật do tai nạn lao động tái phát và người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng bị chết thì nộp hồ sơ cho bảo hiểm xã hội huyện nơi cư trú hoặc nơi đang chi trả trợ cấp.

Nhận trợ cấp một lần trực tiếp tại cơ quan bảo hiểm xã hội nơi nhận hồ sơ hoặc qua thẻ ATM; nhận trợ cấp hàng tháng trực tiếp tại nơi cư trú thông qua hệ thống bưu điện hoặc đại lý chi trả hoặc qua thẻ ATM,

- Người sử dụng lao động:

Hướng dẫn người lao động hoặc thân nhân người lao động lập hồ sơ; giới thiệu người lao động ra Hội đồng giám định y khoa để giám định mức suy giảm khả năng lao động làm căn cứ hưởng chế độ tai nạn lao động (bao gồm cả trường hợp người lao động đã nghỉ việc nhưng trong thời gian làm việc bị tai nạn lao động).

Tiếp nhận hồ sơ từ người lao động hoặc thân nhân người lao động, lập hồ sơ theo quy định để chuyển đến cơ quan bảo hiểm xã hội nơi người sử dụng lao

động đóng bảo hiểm xã hội.

Tiếp nhận hồ sơ đã được giải quyết từ cơ quan bảo hiểm xã hội; trả cho người lao động hoặc thân nhân người lao động; lưu trữ quyết định hưởng chế độ tai nạn lao động của người lao động theo quy định.

- Bảo hiểm xã hội huyện:

Hướng dẫn lập hồ sơ đối với người lao động, người sử dụng lao động thuộc đối tượng nộp hồ sơ cho bảo hiểm xã hội huyện quy định và tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, đầy đủ thì phải hướng dẫn cụ thể về nội dung, các loại giấy tờ cần bổ sung, hoàn thiện.

- Chuyển BHXH tỉnh hồ sơ đề nghị chuyển nơi nhận trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng đến tỉnh khác; hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp tai nạn lao động, cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình;

Nhận hồ sơ đã được bảo hiểm xã hội tỉnh giải quyết để trả cho người sử dụng lao động, người lao động hoặc thân nhân người lao động.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh:

Hướng dẫn lập hồ sơ đối với người lao động, người sử dụng lao động thuộc đối tượng nộp hồ sơ cho bảo hiểm xã hội tỉnh; tiếp nhận từ bảo hiểm xã hội huyện, người sử dụng lao động, người lao động hoặc bảo hiểm xã hội tỉnh khác hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp tai nạn lao động, hồ sơ cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình, hồ sơ đề nghị chuyển nơi nhận trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng đến tỉnh khác;

Giới thiệu người lao động đi giám định mức suy giảm khả năng lao động theo quy định.

Giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động;

Xác nhận vào sổ bảo hiểm xã hội theo quy định nội dung đã giải quyết chế độ trợ cấp tai nạn lao động;

Cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định cho người hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng đã thôi việc;

Giải quyết di chuyển hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng:

\* Bảo hiểm xã hội tỉnh nơi chuyển đi: Tiếp nhận đơn đề nghị; lập thủ tục hồ sơ di chuyển kèm theo bảng kê hồ sơ, giấy giới thiệu trả trợ cấp; thực hiện niêm phong hồ sơ và gửi bảo đảm bằng đường công vụ trong thời hạn tối đa là 05;

\* Bảo hiểm xã hội tỉnh nơi chuyển đến: Tiếp nhận hồ sơ chuyển đến ; kiểm tra đối chiếu hồ; trong thời hạn 03 ngày làm việc thông báo cho bảo hiểm xã hội nơi chuyển đi biết và thông báo cho đối tượng đến đăng ký nhận trợ cấp; thực hiện quản lý, lưu trữ hồ sơ, quản lý đối tượng và chi trả lương hưu trợ cấp; thu hồi thẻ bảo hiểm y tế cũ và cấp thẻ bảo hiểm y tế mới (nếu có) .

+ Lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ hưởng trợ cấp tai nạn lao động:

\* Hồ sơ hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần: lập 3 bộ, trong đó: giao 01 bộ cho người sử dụng lao động gồm quyết định hưởng trợ cấp và sổ bảo hiểm xã hội; 01 bộ và giao cho người lao động gồm: quyết định hưởng trợ cấp, bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội; 01 bộ lưu tại bảo hiểm xã hội cấp tỉnh gồm: quyết định hưởng trợ cấp, bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội và toàn bộ hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp.

\* Hồ sơ hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng: lập 4 bộ, trong đó: giao 01 bộ cho người sử dụng lao động gồm quyết định hưởng trợ cấp và sổ bảo hiểm xã hội; 01 bộ và giao cho người lao động gồm: quyết định hưởng trợ cấp, bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội, giấy chứng nhận trợ cấp; 01 bộ lưu tại bảo hiểm xã hội cấp tỉnh gồm: quyết định hưởng trợ cấp, bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội và toàn bộ hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp; 01 bộ lưu tại bảo hiểm xã hội Việt Nam gồm: quyết định hưởng trợ cấp, bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội và toàn bộ hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp;

Thực hiện chế độ báo cáo và thời hạn nộp hồ sơ lưu trữ: trước ngày 05 hàng tháng lập báo cáo tổng hợp giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong tháng trước gửi bảo hiểm xã hội Việt Nam kèm theo bản điện tử của báo cáo;



trước ngày 10 tháng 01 hàng năm, lập báo cáo thống kê đối tượng giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội trong năm trước gửi bảo hiểm xã hội Việt Nam kèm theo bản điện tử của báo cáo; trước ngày 10 hàng tháng, gửi về Trung tâm Lưu trữ bảo hiểm xã hội Việt Nam 01 bộ hồ sơ hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng đã giải quyết trong tháng trước kèm theo danh sách giải quyết; trước ngày 05 hàng tháng, chuyển toàn bộ cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động trong tháng trước về Trung tâm Thông tin bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Thực hiện trả trợ cấp cho người hưởng.

- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, bảo hiểm xã hội Công an nhân dân:

Giới thiệu người lao động đi giám định mức suy giảm khả năng lao động theo quy định để làm căn cứ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;

Quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội cho phù hợp với quy định về quản lý lao động thuộc bộ, ngành mình;

Xác nhận trong sổ bảo hiểm xã hội theo quy định về nội dung hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;

Giải quyết chuyển hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng như đối với bảo hiểm xã hội nơi chuyển đi. Riêng hồ sơ di chuyển có thể trực tiếp niêm phong hoặc ủy quyền đơn vị sử dụng lao động (cấp có thẩm quyền) niêm phong hồ sơ và gửi bảo đảm bằng đường công vụ hoặc giao cho đơn vị sử dụng lao động hoặc người hưởng chế độ chuyển đến bảo hiểm xã hội tỉnh nơi chuyển đến;

Lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội như quy định đối với bảo hiểm xã hội tỉnh;

Lập và thực hiện báo cáo: trước ngày 20 tháng 01 hàng năm, lập báo cáo tổng hợp giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội trong năm trước gửi bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Các đơn vị nghiệp vụ trực thuộc bảo hiểm xã hội Việt Nam:

Trung tâm Thông tin: xây dựng các chương trình phần mềm xét duyệt chế

độ bảo hiểm xã hội chuyển giao cho các địa phương thực hiện; xây dựng các phần mềm kết xuất dữ liệu cho các báo cáo nghiệp vụ; tiếp nhận cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội do bảo hiểm xã hội tỉnh chuyển đến để tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung của toàn Ngành;

Ban Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội chủ trì phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra bảo hiểm xã hội tỉnh thực hiện việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định;

Thực hiện trả trợ cấp cho người hưởng.

#### ***2.2.4. Thực trạng về kết quả thực hiện từ quy định pháp luật về chế độ bảo hiểm xã hội tai nạn lao động***

##### ***a) Tham gia bảo hiểm xã hội tai nạn lao động:***

*(Số liệu cụ thể hàng năm từ năm 2007 đến năm 2014 – phụ lục 1).* Từ kết quả, ta thấy:

Số người tham gia bảo hiểm xã hội được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội năm sau đều tăng hơn năm trước và chiếm tỷ lệ bằng 99.9% so với tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội (theo quy định thì có đối tượng người làm việc có thời hạn ở nước ngoài mà trước đó đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không thuộc diện tham gia);

Tiền lương bình quân tháng làm căn cứ đóng chế độ tai nạn lao động tương ứng với tiền lương bình quân tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội nói chung;

Do đối tượng tăng so với năm trước và chính sách điều chỉnh tiền lương hàng năm nên số thu bảo hiểm xã hội nói chung và vào quỹ tai nạn lao động nói riêng đều tăng so với năm trước và tỷ lệ chiếm khoảng 4,5% so với tổng số thu bảo hiểm xã hội.

##### ***b) Hưởng bảo hiểm xã hội tai nạn lao động:***

*(Số liệu cụ thể hàng năm từ năm 2007 đến năm 2014 tại - số người hưởng và - số tiền chi hưởng – phụ lục 2).* Từ kết quả, ta thấy:

Số lượt người hưởng tai nạn lao động bình quân hàng năm khoảng 0,07% tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội tai nạn lao động. Trong đó, số lượt người hưởng hàng tháng chiếm 0,026% tổng số người tham gia, hưởng một lần chiếm 0,04% tổng số người tham gia và chết do tai nạn lao động chiếm 0,007% tổng số người tham gia;

Số tiền chi trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng chiếm tỷ trọng 72,53% tổng số chi chế độ tai nạn lao động với mức hưởng bình quân người/tháng bằng gần 0,7 mức tiền lương cơ sở (năm 2013 là 805.000 đồng/tháng). Còn lại chi trợ cấp tai nạn lao động một lần chiếm 21,75% tổng số chi chế độ tai nạn lao động với mức hưởng bình quân người bị tai nạn lao động bằng 20 lần mức lương cơ sở và chi mua bảo hiểm y tế bằng 0,71% tổng số chi chế độ tai nạn lao động với mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định cho người hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng đã nghỉ việc.

### ***c) Tình hình về quỹ bảo hiểm xã hội chế độ tai nạn lao động:***

*(Số liệu cụ thể hàng năm từ năm 2007 đến năm 2014 – phụ lục 3).* Từ kết quả, ta thấy:

Số chi tai nạn lao động hàng năm chỉ chiếm khoảng 10% số thu vào quỹ (theo quy định số thu bằng 1% tiền lương đóng bảo hiểm xã hội).

Với tình hình thu - chi các năm thì số dư quỹ hàng năm tính đến năm 2014 đều tăng khá nhanh và cuối năm 2014 số dư của quỹ là 20,8 nghìn tỷ đồng (gấp 4 lần số thu trong năm 2014).

*Ngoài ra, qua số liệu thống kê đối tượng hưởng tai nạn lao động, cho một số kết quả như sau:*

Đối với tai nạn lao động: bị tai nạn lao động trong các đơn vị trực tiếp sản xuất có tỷ lệ cao (chiếm trên 80% so tổng số); tai nạn lao động xảy ra tại nơi làm việc trong quá trình sản xuất chiếm gần 60%, còn lại trên 40% do tai nạn trên đường đi đến nơi làm việc (chủ yếu là tai nạn nặng, mất khả năng lao động từ trên 31%); các đơn vị hành chính sự nghiệp thì tai nạn lao động xảy ra chủ yếu

do tai nạn trên tuyến đường đi làm;

Tỷ lệ về giới: bị tai nạn lao động nam chiếm 76%, nữ chiếm 24%. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy luật chung vì lao động nữ được hạn chế bố trí vào làm các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại, đặc biệt độc hại, hơn nữa lao động nữ trong công việc, đi lại cẩn thận hơn so với lao động nam giới;

Về tuổi: đối với bị tai nạn lao động tuổi bình quân là 36,2 tuổi (trong đó nam là 35,8 tuổi, nữ là 39,2 tuổi);

Thời gian đóng bảo hiểm xã hội: đối với bị tai nạn lao động bình quân là 10,2 năm 36;

Tỷ lệ suy giảm mất khả năng lao động: Đối với bị tai nạn lao động hàng tháng bình quân là 41%, một lần là 12%;

Thời gian hưởng trợ cấp hàng tháng bình quân là 40 năm.

#### ***d) Tình hình lạm dụng quỹ tai nạn lao động:***

Trong thực hiện chế độ tai nạn lao động đã phát hiện những trường hợp lạm dụng quỹ thông qua một số các hình thức sau:

Lập không hồ sơ tai nạn lao động: trường hợp tai nạn không thuộc diện tai nạn lao động nhưng được cá nhân và đơn vị hợp thức hóa thành tai nạn lao động dưới dạng tai nạn lao động ngoài nơi làm việc, ngoài giờ làm việc, trên đường đi làm và trở về.

Đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội sau khi đã để xảy ra tai nạn để được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội: trường hợp người lao động đã thực hiện hợp đồng lao động trong một thời gian dài nhưng không được tham gia bảo hiểm xã hội, sau khi bị tai nạn lao động, đơn vị mới đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động để Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp.

Việc giám định khả năng lao động chưa áp đúng tỷ lệ thương tật, bệnh tật theo quy định, thường cao hơn nên kết quả tỷ lệ thương tật hưởng bảo hiểm xã hội cao, tăng mức hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội.

*Nguyên nhân của tình trạng lạm dụng:*

Chấp hành pháp luật của người sử dụng lao động chưa nghiêm;  
Thiếu chặt chẽ trong việc giám định khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa;  
Công tác kiểm tra, thanh tra còn hạn chế;  
Một số nội dung quy định về chính sách chưa cụ thể.

### **2.3. Đánh giá thực trạng về pháp luật và thực hiện pháp luật đối với chế độ tai nạn lao động**

#### ***2.3.1. Đánh giá về một số vấn đề chung liên quan đến chế độ tai nạn lao động***

##### *2.3.1.1. Mặt được:*

##### ***a. Về chính sách:***

Quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật an toàn vệ sinh lao động các văn bản dưới Luật đã thể hiện được nhưng ưu điểm:

Phân định rõ về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Luật bảo hiểm xã hội, Luật an toàn vệ sinh lao động trong đó quy định cụ thể đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và các chế độ mà người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc được hưởng;

Quy định rõ về quyền, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện người sử dụng lao động và các nguyên tắc bảo hiểm xã hội chi phối toàn bộ các nội dung quy định trong Luật an toàn vệ sinh lao động. Các quy định này khá toàn diện và khẳng định vai trò quan trọng của nhà nước, tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong việc xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội cho người lao động, đảm bảo quyền tham gia và thụ hưởng bảo hiểm xã hội;

Quy định cụ thể nội dung về Tổ chức bảo hiểm xã hội về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bảo hiểm xã hội Việt Nam. Với quy định này đã đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất trong tổ chức thực hiện, góp phần triển khai thực hiện tốt chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, tổ chức thu,

quản lý quỹ bảo hiểm xã hội và giải quyết chi trả chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động và các đối tượng thụ hưởng được đầy đủ, kịp thời;

Quy định rõ, phù hợp các nội dung về quyền khiếu nại bảo hiểm xã hội; thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại. Các quy định này là cơ sở pháp lý quan trọng để giải quyết các tranh chấp về bảo hiểm xã hội trong thực hiện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia bảo hiểm xã hội;

Quy định cụ thể các quy định về hành vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội và xử lý vi phạm nên đã giúp cho các bên tham gia bảo hiểm xã hội tránh được những sai sót trong quá trình thực hiện đồng thời giúp cho quá trình kiểm tra, thanh tra có cơ sở để phát hiện kịp thời các sai sót và chỉ ra các giải pháp cần khắc phục đối với cá nhân, tổ chức khi thực hiện bảo hiểm xã hội và là căn cứ để xử phạt hành chính, tính lãi, đảm bảo cho quỹ bảo hiểm xã hội không bị thất thoát, quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội được bảo vệ;

Quy định cụ thể về nội dung chuyển tiếp giữa quy định cũ và quy định mới đã đảm bảo được sự liên tục về thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động; đảm bảo được tính thống nhất và công bằng trong thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội và phân định rõ làm cơ sở cho thực hiện chế độ đúng quy định, tránh được tiêu cực khi giải quyết chế độ...

Đồng thời cũng đã quy định cụ thể quyền và trách nhiệm của tổ chức công đoàn, Hội Nông dân Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác. Công tác thanh tra ATVSLĐ đã được xác định rõ là thanh tra chuyên ngành, được tổ chức ở cấp Trung ương và cấp tỉnh. Đặc biệt, với phương châm đảm bảo ATVSLĐ là các giải pháp phòng ngừa ít tốn kém hơn nhiều so với giải quyết hậu quả, xây dựng văn hóa an toàn tại doanh nghiệp có lợi ích hơn nhiều so với kêu gọi hỗ trợ nạn nhân khi bị TNLĐ. Với khẩu hiệu: “*An toàn là bạn, tai nạn là thù*”. Luật ATVSLĐ đầu tiên của Nhà nước ta sẽ đem lại hiệu quả to lớn trong việc bảo vệ sức khỏe người lao động trong các hoạt động sản xuất kinh doanh làm ra của cải vật chất cho xã hội.

### ***b) Về tổ chức thực hiện:***

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội được triển khai đồng bộ và rộng khắp đã tạo sự đổi mới cơ bản về nhận thức của các doanh nghiệp, người lao động và toàn xã hội trong việc thực hiện quy định pháp luật bảo hiểm xã hội;

Đã từng bước triển khai cải cách hành chính trong thực hiện bảo hiểm xã hội thông qua việc đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các khâu nghiệp vụ bảo hiểm xã hội và hiện đại hóa quản lý bảo hiểm xã hội bằng công nghệ thông tin. Vì vậy đã đạt kết quả tốt trong việc quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; cấp và quản lý sổ bảo hiểm xã hội được đầy đủ, chính xác, kịp thời; thu bảo hiểm xã hội thuận tiện, giảm được thất thoát, rủi ro; giải quyết hưởng các chế độ đảm bảo đúng, đầy đủ, kịp thời; chi trả các chế độ thuận tiện, đầy đủ, kịp thời đảm bảo đời sống sinh hoạt cho người nghỉ và người thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội;

Công tác thanh tra, kiểm tra pháp luật về bảo hiểm xã hội đã được quan tâm, chỉ đạo và triển khai thực hiện thường xuyên, đặc biệt là ở các tỉnh, thành phố lớn, nơi có nhiều khu công nghiệp. Vì vậy, tình trạng vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, nhất là lạm dụng để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và trốn đóng bảo hiểm xã hội đã có chuyển biến tích cực.

#### ***2.3.1.2. Những hạn chế:***

##### ***a) Về quy định pháp luật:***

Quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật an toàn vệ sinh lao động các văn bản dưới Luật còn có hạn chế:

Quy định đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc còn hạn chế. Một số đối tượng làm công ăn lương chưa được áp dụng như: Lao động có hợp đồng dưới 3 tháng, cán bộ xã không chuyên trách; chưa có quy định tham gia bảo hiểm xã hội đối với lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Chưa quy định cụ thể nội dung trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo hiểm

xã hội đối với các Bộ ở trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương;

Quy định Thanh tra lao động - thương binh và xã hội thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về bảo hiểm xã hội là chưa đầy đủ vì chưa có quy định thanh tra về cơ chế quản lý tài chính và hiệu quả còn hạn chế do còn chưa sát với thực tế;

Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội và để tính hưởng chế độ tai nạn lao động quy định bằng tiền lương theo hợp đồng lao động, lương ngạch bậc. Mức lương này thường thấp hơn nhiều so với thu nhập có tính chất từ lương, vì vậy mức hưởng chế độ dù tỷ lệ hưởng cao nhưng số tuyệt đối thấp nhiều so với thu nhập lương khi đang làm việc gây khó khăn về kinh tế đối với người lao động;

Quy định lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội được tính bằng lãi suất đầu tư của quỹ bảo hiểm xã hội trong năm là chưa hợp lý (thường thấp hơn nhiều lãi suất vay Ngân hàng trong cùng kỳ). Điều này đã dẫn tới các doanh nghiệp có tình chậm đóng, nợ đóng để sử dụng tiền đóng bảo hiểm xã hội vào mục đích khác, gây thất thoát cho quỹ bảo hiểm xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội của người lao động do không được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội kịp thời vì chưa đóng đủ bảo hiểm xã hội.

***b) Về tổ chức thực hiện:***

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo hiểm xã hội còn chưa thật hiệu quả, hấp dẫn do hình thức chưa đa dạng, nội dung chưa thật sự phù hợp với từng nhóm đối tượng tham gia. Vì vậy, nhiều người sử dụng lao động (nhất là đơn vị mới thành lập) và người lao động chưa hiểu rõ quyền và trách nhiệm của mình về bảo hiểm xã hội dẫn đến tình trạng trốn đóng bảo hiểm xã hội và nợ bảo hiểm xã hội;

Hiện đại hóa quản lý bảo hiểm xã hội chưa hoàn thiện, nhất là việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý đối tượng, thống nhất số định danh cho từng người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kết nối dữ liệu của các tổ chức khác có liên quan ... Vì vậy dẫn đến việc lạm dụng quỹ khó có thể phát



hiện; thời gian giải quyết kéo dài, tổn kém về sức lao động;

Số lần thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực bảo hiểm xã hội đối với đơn vị sử dụng lao động còn ít, chưa thường xuyên dẫn đến tình trạng nhiều đơn vị vi phạm nhưng chậm được phát hiện để xử lý; sự phối hợp giữa các ngành chức năng trong tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội còn hạn chế, chưa chặt chẽ; chất lượng và hiệu quả từ các cuộc thanh tra, kiểm tra chưa cao và việc xử lý sau thanh tra, kiểm tra còn bất cập.

### **2.3.2. Đánh giá về chế độ tai nạn lao động**

#### **2.3.2.1. Mặt được:**

##### ***a. Về chính sách:***

Đối tượng hưởng quy định đã bao phủ hết người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (*trừ người làm việc có thời hạn ở nước ngoài*); việc không quy định đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện phải tham gia chế độ này là hợp lý vì những người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đa số thời gian làm việc không ổn định thậm trí không tham gia lao động, và điều quan trọng là thực tế hiện nay của Việt Nam là điều kiện kinh tế, thu nhập của nhóm đối tượng này rất thấp, không ổn định, nếu đóng thêm chế độ này sẽ rất khó khăn cho việc thu hút tham gia để đạt mục tiêu an sinh xã hội là hưu trí tuổi già và việc xác định tai nạn là tai nạn lao động hoặc mắc bệnh là bệnh nghề nghiệp đối với đối tượng này là rất khó khăn, không khả thi;

Quy định cụ thể các trường hợp cần phải thực hiện giám định mức suy giảm khả năng lao động cho người lao động đã bảo đảm tốt quyền lợi cho người lao động;

Điều kiện hưởng quy định khá rộng đối với toàn bộ quá trình lao động gồm cả thời gian đi từ nơi ở đến nơi làm việc;

Mức hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng hoặc một lần được quy định bao gồm hai phần, một phần tính theo mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động và dựa trên tiền lương cơ sở; một phần tính theo thời gian đóng

bảo hiểm xã hội và tính trên mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của người lao động. Quy định này đã cho phép xác định mức hưởng hợp lý và công bằng cho các đối tượng thụ hưởng vừa đảm bảo bù đắp mức suy giảm khả năng lao động vừa đảm bảo nguyên tắc đóng - hưởng. Ngoài ra, các mức hưởng khác đầy đủ, cụ thể, phù hợp. Cụ thể trường hợp bị tai nạn lao động nếu mất khả năng lao động 81% và có tham gia bảo hiểm xã hội 30 năm thì mức hưởng hàng tháng tương đương với 2 lần lương cơ sở và bằng 75% mức lương hưu bình quân hiện nay;

Việc quy định cụ thể thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng đã tạo thuận lợi cho cơ quan bảo hiểm xã hội trong quá trình giải quyết chế độ cho người lao động;

Quy định thủ tục hồ sơ cụ thể cho từng trường hợp tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động và cơ quan bảo hiểm xã hội khi thực hiện tránh sách nhiễu, chậm chễ...;

Hình thành quỹ thành phần trong đó quy định đóng vào quỹ tỷ lệ 1% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội đảm bảo có căn cứ để hoạch định chính sách đối với chế độ này (tăng giảm mức đóng, mức hưởng ). Hiện tại quỹ đảm bảo thanh khoản và còn tồn dư khá lớn (gấp 4 lần mức thu trong 01 năm 2014);

Việc quy định phân khúc chi trả tai nạn lao động khi bị tai nạn lao động như hiện nay có tác động nêu cao trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc quan tâm đến công tác an toàn vệ sinh lao động nhằm hạn chế tối đa việc xảy ra tai nạn lao động. Mặt khác hạn chế lạm dụng quỹ tai nạn lao động, đảm bảo công bằng, nhất là đối với trường hợp bị tai nạn trên đường đi và về (*hiện chiếm khoảng 40% số người bị tai nạn lao động*) trong điều kiện quản lý, xác định về điều kiện bị tai nạn lao động hiện nay còn chưa được chặt chẽ, chính xác, thậm chí có tình làm sai lệch...

Chính sách về trang thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân và chế độ bồi dưỡng hiện vật cho người lao động được bổ sung tạo điều kiện thuận lợi cho

người lao động.

***b) Về tổ chức thực hiện:***

Việc phân cấp thực hiện tiếp nhận và thực hiện giải quyết chế độ trên cơ sở bảo hiểm xã hội cấp huyện hoặc tỉnh nếu thu bảo hiểm xã hội của đơn vị thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ, sau đó gửi bảo hiểm xã hội tỉnh (phòng chế độ bảo hiểm xã hội) để giải quyết và nhận lại kết quả để trả cho người lao động hoặc người sử dụng lao động là rất phù hợp, đảm bảo thuận tiện cho người sử dụng lao động, người lao động, giãn đều công việc giải quyết trong hệ thống để giải quyết đúng thời hạn quy định mà vẫn đảm bảo chất lượng trong giải quyết và tạo điều kiện để nắm chắc các biến động tại cơ sở phát hiện kịp thời hiện tượng lạm dụng quỹ;

Đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm giải quyết chế độ tai nạn lao động thống nhất trong toàn bộ hệ thống. Vì vậy, kết quả giải quyết đảm bảo không thể sai so với quy định; thời hạn giải quyết được đảm bảo và giảm được chi phí quản lý do không phải tăng biên chế tương ứng khi số người hưởng tăng;

Việc chi trả chế độ đã từng bước được cải cách nhằm thuận lợi cho người thụ hưởng.

***2.3.2.2. Những hạn chế:***

Việc quy định phân khúc chi trả tai nạn lao động khi bị tai nạn lao động như hiện nay chưa thể hiện hết nguyên tắc bảo hiểm xã hội, người sử dụng lao động vẫn phải bận tâm vào việc thực hiện chế độ trong quá trình người lao động bị tai nạn lao động (*trả lương, trợ cấp bồi thường tai nạn lao động*);

Luật bảo hiểm xã hội quy định khen thưởng từ quỹ cho người sử dụng lao động thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, phòng ngừa tai nạn lao động là chưa phù hợp (không đúng với luật thi đua khen thưởng). Trong khi đó nội dung về phòng ngừa tai nạn lao động thì chưa đề cập trong pháp luật;

Chưa có quy định cụ thể hoặc giao cho Chính phủ quy định về một số trường hợp tai nạn được xác định là tai nạn lao động, nên khó khăn khi giải quyết (*tham gia phong trào thể thao, văn hoá, văn nghệ, thăm người ốm, viếng*

... do đơn vị tổ chức; trường hợp bị tai nạn nhưng không thực hiện công việc được phân công hàng ngày; nguyên nhân do bệnh lý, sử dụng chất kích thích...);

Luật bảo hiểm xã hội đã quy định về thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng. Tuy nhiên, chỉ mới quy định thời điểm hưởng trợ cấp đối với các trường hợp điều trị nội trú và các trường thương tật, bệnh tật tái phát, đối với các trường hợp không điều trị nội trú chưa có quy định nên cũng gây khó khăn trong tổ chức thực hiện;

Chưa có quy định về quyền lợi của người bị tai nạn lao động trong thời gian điều trị khi vết thương tái phát (*chi phí y tế, tiền lương nếu còn làm việc*);

Chưa có quy định cụ thể trong việc điều tra, lập biên bản điều tra tai nạn lao động trong một số trường hợp, nhất là trường hợp được coi là tai nạn lao động, do vậy khó khăn cho việc xác định hồ sơ có đúng, đủ để giải quyết hay không;

Một số trường hợp bị tai nạn được coi là tai nạn lao động, thủ tục hồ sơ làm cơ sở xét hưởng chế độ bảo hiểm xã hội chưa có quy định cụ thể, nhất là trường hợp bị tai nạn trên tuyến đường đi làm ở nơi vùng sâu, xa không gần nơi dân cư, trụ sở công an, trường hợp tai nạn cần cấp cứu ngay hoặc tại lúc bị tai nạn thì bình thường sau đó mới phát hiện bị thương... Những trường hợp này tại khi xảy ra tai nạn không lập biên bản, do vậy người lao động không đủ điều kiện hưởng chế độ theo quy định;

Chế độ trợ cấp dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau tai nạn lao động là chế độ được quy định với mục đích giúp người lao động được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi điều trị tai nạn lao động mà sức khỏe còn yếu, giúp người lao động sớm hồi phục sức khỏe trở lại làm việc. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện mang tính bình quân, về cơ bản mọi người lao động sau khi nghỉ điều trị tai nạn lao động đều được giải quyết hưởng dưỡng sức phục hồi sức khỏe. Mặc khác, việc xác định thế nào là sức khỏe còn yếu là hết sức khó khăn và rất cảm tính.

Điều này dẫn đến sự lạm dụng và tùy tiện trong giải quyết khi thực hiện quy định này

.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Qua nghiên cứu thực trạng về chế độ bảo hiểm xã hội tai nạn lao động ở Việt Nam cho thấy bên cạnh những kết quả đã đạt được thì vẫn còn tồn tại những bất cập cần phải khắc phục. Những kết quả đạt được của việc thực hiện chế độ tai nạn lao động như đã nêu trên đã có tác dụng thiết thực góp phần ổn định đời sống của những người thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội nói chung, về chế độ tai nạn lao động nói riêng; góp phần đảm bảo công bằng xã hội, mọi người đều được hưởng mọi chế độ như nhau.

**CHƯƠNG 3:**  
**KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI**  
**TAI NẠN LAO ĐỘNG**

**3.1. Kiến nghị những nội dung cần bổ sung, sửa đổi ngay cho phù hợp với thực tế hiện nay của Việt Nam**

Căn cứ kết quả nghiên cứu về cơ sở lý luận chung; kinh nghiệm thế giới; những tồn tại, bất cập qua đánh giá thực trạng về chế độ chính sách và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội chung có liên quan và đối với chế độ tai nạn lao động hiện hành. Đề tài kiến nghị những nội dung cụ thể đối với chế độ tai nạn lao động cần bổ sung, sửa đổi ngay cho phù hợp với thực tế hiện nay của Việt Nam như sau:

***3.1.1. Kiến nghị những nội dung chung liên quan đến chế độ tai nạn lao động***

\* Mở rộng đối tượng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng chế độ tai nạn lao động, cụ thể:

Bổ sung người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp để đảm bảo chính sách hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài và quyền bình đẳng giữa những người lao động. Tuy nhiên, cần nghiên cứu kỹ các quy định cụ thể về mức đóng, mức hưởng, cách thức thanh toán ...trước khi thực hiện để đảm bảo tính khả thi, cụ thể đề nghị quy định thực hiện từ năm 2018.

\* Quy định trong pháp luật về bảo hiểm xã hội cụ thể nội dung trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội đối với các Bộ ở trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương, cụ thể gồm các Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân các cấp; đồng thời bổ sung cơ quan bảo hiểm xã hội cũng là cơ quan quản lý nhà nước về thu, chi, bảo toàn, phát triển và cân đối các quỹ bảo hiểm xã hội.

\* Đề nghị bổ sung quy định Thanh tra tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về quản lý tài chính bảo hiểm xã hội vì thanh tra lao động chưa có đầy đủ nghiệp vụ về quản lý tài chính bảo hiểm xã hội; bổ sung thẩm quyền thanh tra việc đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội, vì cơ quan bảo hiểm xã hội chịu trách nhiệm quản lý quỹ tài chính rất lớn liên quan đến an sinh xã hội.

\* Để đảm bảo đúng tính chất của bảo hiểm xã hội là thay thế hoặc bù đắp thu nhập so với khi còn đang làm việc với tỷ lệ đã được tính toán như quy định về hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội thì việc xác định nền tiền lương tính hưởng có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

\* Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo hiểm xã hội tai nạn lao động theo Luật An toàn, vệ sinh lao động bằng nhiều hình thức đa dạng, nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng tham gia để người sử dụng lao động và người lao động hiểu rõ quyền và trách nhiệm của mình về bảo hiểm xã hội tai nạn lao động để thực hiện.

\* Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và phối hợp giữa các ngành chức năng về lĩnh vực bảo hiểm xã hội đối với đơn vị sử dụng lao động và người lao động, đảm bảo phát hiện để xử lý kịp thời, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động.

### ***3.1.2. Kiến nghị những nội dung cụ thể về chế độ tai nạn lao động***

\* Để khắc phục những hạn chế về điều kiện xét hưởng chế độ tai nạn lao động trong các trường hợp xảy ra tai nạn đảm bảo đúng, không gây phiền hà và tránh lạm dụng. Đề nghị cần có quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật về các trường hợp bị tai nạn tại nơi làm việc, trong giờ làm việc hoặc ngoài nơi làm việc, ngoài giờ làm việc phải gắn với những điều kiện như thế nào thì mới được xác định là tai nạn lao động và được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, nhất là quy định về các công việc khác được phân công mà không thuộc nhiệm vụ, công việc chuyên môn của người lao động như (*tham gia phong trào thể thao, văn*



*hoá, văn nghệ, thăm người ốm, viếng ... do đơn vị tổ chức; trường hợp bị tai nạn nhưng không thực hiện công việc được phân công hàng ngày).*

Đối với trường hợp được xác định là tai nạn lao động, cần quy định cụ thể thêm về trường hợp bị tai nạn trên đường đi và về được xác định từ đâu (*từ cổng nhà đến cổng cơ quan*); các trường hợp bị tai nạn mà nguyên nhân liên quan đến bệnh lý, sử dụng chất kích thích, đánh nhau do xích mích cá nhân, do ngoại cảnh (*ong đốt, chó cắn, trâu bò húc, cây đổ, gãy, tường đổ...*) có được hưởng chế độ tai nạn lao động hay không.

\* Cần quy định cụ thể về hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động đối với trường hợp bị tai nạn được coi là tai nạn lao động trên tuyến đường đi làm ở nơi vùng sâu, xa không gần nơi dân cư, trụ sở công an, trường hợp tai nạn cần cấp cứu ngay hoặc tại lúc bị tai nạn thì bình thường sau đó mới phát hiện bị thương...

\* Để đảm bảo phù hợp và không chòng chéo với quy định của Luật Thi đua - Khen thưởng, đề nghị bỏ nội dung quy định về khen thưởng từ quỹ tai nạn lao động cho người sử dụng lao động thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, phòng ngừa tai nạn lao động tại pháp luật về bảo hiểm xã hội.

\* Bổ sung quy định về thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động đối với các trường hợp không điều trị nội trú theo hướng được hưởng từ tháng có kết quả giám định khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa.

\* Bổ sung quy định về phương thức trang cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình theo hướng được cấp bằng tiền để người bị tai nạn lao động tự mua cho phù hợp và thuận tiện trong việc quản lý, tránh gây phiền hà.

\* Bổ sung quy định về quyền lợi của người bị tai nạn lao động trong thời gian điều trị khi vết thương tái phát được hưởng chi phí y tế (nếu không thuộc diện được cấp thẻ bảo hiểm y tế) và tiền lương (nếu còn làm việc).

\* Để đảm bảo hồ sơ đúng, đủ để giải quyết chế độ tai nạn lao động và tránh lạm dụng trong việc lập hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động, đề nghị cần

quy định bổ sung tránh nhiệm của Thanh tra lao động trong việc thẩm định, kết luận về vụ tai nạn được xác định là tai nạn lao động đối với những Biên bản điều tra tai nạn lao động do Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở lập, nhất là trường hợp được coi là tai nạn lao động. Với chức năng của cơ quan bảo hiểm xã hội là căn cứ quy định của pháp luật về hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động để giải quyết (*không thực hiện chức năng xác định có là tai nạn lao động hay không*).

\* Đề nghị bổ sung quy định về hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động đối với trường hợp tai nạn lao động tái phát và hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động đối với trường hợp tai nạn lao động được giám định tổng hợp.

\* Đề nghị nghiên cứu bổ sung một số nội dung về quyền lợi của người lao động liên quan đến tai nạn lao động từ quỹ tai nạn lao động như:

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với người bị tai nạn lao động khi trở lại làm việc trong trường hợp nếu phải đào tạo người lao động để chuyển đổi nghề nghiệp thì được hỗ trợ học phí. Đề tài đề xuất mức hỗ trợ là không quá 50% mức học phí và tối đa bằng 15 tháng lương cơ sở với số lần hỗ trợ tối đa của một người lao động là 2 lần;

Hỗ trợ phục hồi chức năng lao động đối với đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động nếu cần phải phục hồi chức năng lao động tại các cơ sở phục hồi chức năng lao động theo hướng bù đắp các khoản chi phí phục hồi, ăn nghỉ...sau khi đã trừ trợ cấp hàng tháng mà người bị tai nạn lao động đã được hưởng (người lao động không phải lo đóng thêm kinh phí khi thực hiện phục hồi chức năng lao động);

Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động cho đơn vị sử dụng lao động gồm: điều tra lại các vụ tai nạn lao động theo yêu cầu; huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động, người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, người làm công tác y tế và an toàn, vệ sinh viên trong đơn vị sử dụng lao động. Tuy nhiên, đề nghị cần có quy định mức hỗ trợ tối đa

(10% số thu vào quỹ tai nạn lao động của đơn vị) và cần quy định cụ thể về điều kiện hưởng, hồ sơ, mức hỗ trợ đối với từng trường hợp, thời gian hỗ trợ để đảm bảo chặt chẽ, tránh lạm dụng quỹ.

- Sửa đổi quy định về điều kiện hưởng tai nạn lao động theo hướng cụ thể hơn từ các văn bản hướng dẫn; bổ sung quy định đối với các trường hợp loại trừ để thuận tiện hơn trong tổ chức thực hiện.

- Bổ sung quy định về thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà không điều trị nội trú.

- Bổ sung một điều quy định về việc điều chỉnh trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng theo hướng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng được điều chỉnh trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá sinh hoạt và tăng trưởng kinh tế.

- Sửa đổi quy định về phương tiện trợ giúp sinh hoạt và dụng cụ chỉnh hình trong Luật Bảo hiểm xã hội theo hướng cấp tiền để mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt và dụng cụ chỉnh hình để phù hợp hơn với thực tiễn thực hiện.

- Sửa đổi quy định về chế độ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau khi điều trị thương tật, bệnh tật do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng quy định cụ thể hơn về sức khỏe yếu để dễ dàng trong tổ chức thực hiện, tránh lạm dụng.

Với việc quy định chi trả tai nạn lao động khi bị tai nạn lao động như hiện nay chưa đảm bảo mục tiêu của bảo hiểm xã hội. Vì vậy Đề tài đề nghị cần tập trung nghiên cứu để quy định toàn bộ quá trình người lao động bị tai nạn lao động thì các khoản chi phí được tập trung do quỹ bảo hiểm xã hội tai nạn lao động thực hiện. Tuy nhiên, do hiện nay một số người sử dụng lao động chỉ quan tâm đến công tác an toàn vệ sinh lao động để giảm thiểu tối đa tai nạn lao động khi phải thực hiện chi các khoản bồi thường từ doanh nghiệp, mặt khác thực trạng về tổ chức quản lý của hệ thống bảo hiểm xã hội phải quản lý nhiều chế độ (*5 chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế*); điều kiện hạ tầng, cơ sở vật chất chưa đồng bộ, hoàn chỉnh; trình độ quản lý còn hạn

ché. Vì vậy cần có lộ trình thích hợp trong tương lai khi có đủ điều kiện về quản lý cũng như ý thức của người sử dụng lao động trong công tác an toàn vệ sinh lao động được nâng cao.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Trên đây là đề xuất hoàn thiện quy định về chính sách và tổ chức thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội tai nạn lao động nhằm khắc phục những vấn đề còn tồn tại và bất cập, đảm bảo quyền lợi của người lao động khi tham gia bảo hiểm xã hội. Qua đó, là cơ sở để sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn vệ sinh lao động cho phù hợp với thực tiễn hiện nay, để chế độ bảo hiểm xã hội tai nạn lao động được thực hiện một cách đúng đắn, phù hợp với định hướng của, chính sách của nhà nước ta.

## KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá phân tích về thực trạng chính sách cũng như tổ chức thực hiện quy định pháp luật bảo hiểm xã hội nói chung, chế độ tai nạn lao động nói riêng để xác định những nội dung phù hợp, khả thi và những vấn đề còn tồn tại, nguyên nhân của những tồn tại để đưa ra đề xuất, kiến nghị nhằm ngày càng hoàn thiện, phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới, đáp ứng được nguyện vọng của người lao động, đảm bảo an sinh xã hội và hội nhập quốc tế là điều hết sức cần thiết và được tiến hành thường xuyên để đảm bảo điều chỉnh được kịp thời.

Thực hiện mục tiêu và phương pháp nghiên cứu đề ra, đề tài đã tập trung nghiên cứu những nội dung chung về bảo hiểm xã hội và chế độ tai nạn lao động, đây là nội dung làm cơ sở cũng như kinh nghiệm được đúc rút để xem xét quy định chính sách và tổ chức thực hiện chính sách đúng quy định, phù hợp với thực tế; nội dung thực trạng về chính sách và thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với chế độ tai nạn lao động ở nước ta, từ đó đánh giá những nội dung phù hợp và những tồn tại, nguyên nhân của tồn tại đối với từng loại chế độ. Căn cứ kết quả nghiên cứu về cơ sở lý luận chung; kinh nghiệm thế giới; những tồn tại, bất cập qua đánh giá thực trạng về chế độ quy định pháp luật và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội chung có liên quan và đối với chế độ tai nạn lao động hiện hành. Đề tài đã đề xuất những nội dung kiến nghị chung có liên quan đến chế độ tai nạn lao động; kiến nghị những nội dung cụ thể về chế độ tai nạn lao động và nội dung kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật và tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội của Việt Nam trong tương lai.

Với kết quả nghiên cứu của Đề tài mang tính ứng dụng, mong rằng sẽ đóng góp một phần giúp cho các nhà hoạch định chính sách, các cơ quan quản lý về bảo hiểm xã hội làm căn cứ xem xét để từng bước hoàn thiện chính sách và thực hiện quy định pháp luật bảo hiểm xã hội về chế độ tai nạn lao động trong trước mắt và trong tương lai của Việt Nam./.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư số 26/2016/TT-BYT Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
2. Thông tư số 14/2016/TT-BYT Ngày 15 tháng 7 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật bảo hiểm xã hội thuộc lĩnh vực y tế
3. Nghị định 37/2016/NĐ-CP Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
4. Nghị định 44/2017/NĐ-CP.
5. Tổ chức Lao động quốc tế (1952), Công ước 102 về quy phạm tối thiểu về an toàn xã hội
6. Tổ chức Lao động quốc tế (1993), Công ước 174 về phòng ngừa những tai nạn lao động nghiêm trọng
7. Tạp chí Bảo hiểm xã hội.
8. Hệ thống văn bản của BHXH Việt Nam báo cáo các cơ quan về vướng mắc trong tổ chức thực hiện.
9. Tham khảo tài liệu trên mạng Internet.
10. Luật Bảo hiểm xã hội ban hành ngày 20/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016
11. Luật vệ sinh an toàn lao động
12. Bộ luật lao động
13. Các báo cáo của bảo hiểm xã hội Việt Nam
14. Tạp chí bảo hiểm xã hội các năm.

**PHỤ LỤC 1:**  
**SỐ LIỆU VỀ THAM GIA BHXH CHẾ ĐỘ TNLD-BNN**

TIÊU THỨC	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2007 - 2014
1. Tham gia BHXH (người)	7.429.002	8.539.467	8.901.170	9.441.246	10.104.497	10.431.617	10.889.333	11.451.530	77.187.862
+ Tham gia TNLD-BNN	7.406.715	8.537.032	8.899.200	9.439.043	10.102.273	10.429.551	10.878.633	11.440.078	77.132.526
+ % so tổng số	99.7	99.97	99.98	99.98	99.98	99.98	99.9	99.9	99.9
2. Tiền lương bình	1.333.105	1.509.626	1.754.823	1.995.596	2.333.857	3.024.714	3.389.677	3.604.180	



quân tháng đóng BHXH (đồng)									
+ % so năm trước		113.24	116.24	113.72	116.95	129.6	112.7	107.39	
3. Thu BHXH (triệu đồng)	23.768.72 8	30.939.365	37.487.946	49.740.004	62.257.661	89.465.966	106.304.599	130.059.154	530.023.423
+ Tham gia TNLD- BNN	1.081.477	1.355.144	1.873.982	2.252.301	2.820.930	3.719.311	4.375.755	4.997.273	22.476.174
+ % so tổng số	4.55	4.38	4.42	4.53	4.53	4.16	4.12	3.84	4.24

**PHỤ LỤC 2**  
**SỐ LIỆU VỀ NGƯỜI HƯỞNG CHẾ ĐỘ TNLD-BNN**

TIÊU THỨC	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2007-2014
1.Số lượt người hưởng mới trong năm (người)	5.556	6.368	6.408	6.842	7.347	7.802	7.956	6.644	54.923
% so với tổng	0.075	0.075	0.072	0.072	0.073	0.075	0.073	0.058	0.071
1.1.Hàng năm	2.039	2.312	2.431	2.681	2.693	2.602	2.724	2.230	19.712
% so với số tham gia	0.028	0.027	0.027	0.028	0.027	0.025	0.025	0.019	0.026
% so với số bị TNLD-BNN	36.7	36.31	37.94	39.18	36.64	33.35	34.24	33.57	36.15
1.2.Một lần	2.807	3.392	3.428	3.607	3.990	4.500	4.518	3.853	30.095
% so với số tham gia	0.038	0.04	0.039	0.038	0.039	0.043	0.042	0.034	0.04
% so với số bị TNLD-BNN	50.52	53.27	53.5	52.72	54.31	57.68	56.79	57.99	54.8
1.3.Chết do TNLD-BNN	710	664	549	554	664	700	714	560	5.115
% so với số tham gia	0.01	0.008	0.006	0.006	0.007	0.007	0.007	0.005	0.007

% so với số bị TNLD-BNN	12.78	10.43	8.57	8.1	9.04	8.97	8.97	8.43	9.06
2.Số hưởng hàng tháng có đến cuối năm (người)	21.265	23.245	25.630	27.965	30.173	32.461	33.052	33.117	226.908
2.1.Hưởng	181	23.032	25.228	27.500	29.661	31.812	32.461	32.461	223.239
2.2.Trợ cấp	21.084	213	402	456	512	649	591	656	3.669

**PHỤ LỤC 3**  
**SỐ LIỆU VỀ QUỸ BHXH CHẾ ĐỘ TNLĐ-BNN**

TIÊU THỨC	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2007-2014
1. Tiền thu vào quỹ (triệu đồng)	1.081.477	1.355.144	1.873.982	2.252.301	2.820.930	3.719.311	4.375.755	4.997.273	22.476.174
2. Tiền chi từ quỹ (triệu đồng)	138.544	186.054	237.019	294.669	361.478	473.489	563.761	623.202	2.878.217

% so với số thu	9.81	10.73	9.65	10.08	9.81	9.73	9.88	9.47	9.81
Trong đó									
Trả chế độ	106.100	145.400	180.800	227.100	276.850	361.910	423.488	473.284	2.203.923
Ước phí quản lý (3% số thu)	32.444	40.654	56.219	67.569	84.628	111.579	131.273	149.918	674.285
3.Cân đôi thu- chi (triệu đồng)	942.933	1.169.090	1.636.963	1.957.632	2.459.452	3.245.822	3.811.994	4.374.071	19.597
4.Tồn	942.933	2.206.316	4.199.613	6.382.371	8.925.336	12.282.489	16.281.127	20.794.000	

quỹ đến ngày 31/12 gồm cả lãi đầu tư (triệu đồng)									
Tỷ lệ so với số thu trong năm	0.87	1.62	2.24	2.83	3.16	3.3	3.72	4.16	